

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
NAM LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2022/TB/HĐQT/NLG

TP. HCM, ngày 25 tháng 04 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM LONG
- Mã chứng khoán : NLG
- Địa chỉ trụ sở chính : Lầu 11, Tòa nhà Capital Tower
06 Nguyễn Khắc Viện, P. Tân Phú
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : (84-28) 54 16 17 18
- Fax : (84-28) 54 17 18 19
- Người thực hiện công bố thông tin: Trần Thanh Phong

Chức vụ: Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT/Người được ủy quyền công bố thông tin

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2022/BBH/ĐHĐCĐ/NLG.
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2022/NQ/ĐHĐCĐ/NLG.
3. Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty CPĐT Nam Long.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 25/04/2022 tại đường dẫn: <http://namlongvn.com/co-phieu/dai-hoi-dong-co-dong/>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BBH & NQ ĐHĐCĐ thường niên 2022;
- Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty & Quy chế hoạt động của HĐQT.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN



TRẦN THANH PHONG
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC HĐQT



NAM LONG

Số: 01/2022/BBH/ĐHĐCĐ/NLG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM LONG

6 Nguyễn Khắc Viện, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 54 16 17 18 Fax: (028) 54 17 18 19 Website : www.namlongvn.com

TP.HCM, ngày 23 tháng 04 năm 2022

BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

A. THÔNG TIN CÔNG TY:

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM LONG**

Tên viết tắt: **NLG**

Trụ sở chính: Tầng 11-12, Tòa nhà Capital Tower
Số 6 Nguyễn Khắc Viện, Phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM

Điện thoại: (84.28) 54 16 17 18 Fax: (84.28) 54 17 18 19 Website: www.namlongvn.com

Giấy CNĐKKD số: 0301438936 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. HCM cấp ngày 31/12/2021 (thay đổi lần thứ 24).

B. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM:

Thời gian: 08g30, thứ Bảy, ngày 23 tháng 04 năm 2022.

Địa điểm: Khách sạn Lotte Saigon.
Số 2A-4A Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. HCM.

C. THÀNH PHẦN THAM DỰ VÀ ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (“Đại hội” hoặc “ĐHĐCĐ”)

Các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long (“Công ty” hoặc “Nam Long”) theo Thư mời dự ĐHĐCĐ (đã gửi trước ngày 01/04/2022).

1. Tổng số cổ đông theo danh sách chốt ngày 28/03/2022 của Công ty là 31.215 cổ đông, nắm giữ tổng cộng 382.940.013 cổ phần.
2. Tất cả các cổ đông hiện diện tại Đại hội đều đáp ứng đầy đủ điều kiện tham dự Đại hội: là chủ sở hữu cổ phần Nam Long hoặc được ủy quyền tham dự hợp pháp bằng văn bản.
3. Số cổ đông hiện diện (tham dự trực tiếp): 124 người; sở hữu và đại diện cho 156.011.139 cổ phần, chiếm 40,74% tổng số cổ phần Công ty.
4. Số cổ đông vắng mặt và có ủy quyền: 78 người, đại diện cho 45.925.016 cổ phần, chiếm 11,99% tổng số cổ phần Công ty.
5. **Tổng số cổ đông tham dự trực tiếp hoặc có ủy quyền là: 202 người, đại diện cho 201.936.155 cổ phần, chiếm 52,73% tổng số cổ phần Công ty.**
6. Số cổ đông vắng mặt và không ủy quyền: 31.013 người, đại diện cho 181.003.858 cổ phần, chiếm 47,27% tổng số cổ phần Công ty.

Số lượng cổ đông đến tham dự trực tiếp hoặc có ủy quyền sẽ được cập nhật lần cuối trước 10h00.

Căn cứ quy định tại Điều 145 của Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 18 của Điều lệ Công ty CPĐT Nam Long và căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự Đại hội ngày hôm nay, Đại hội đồng Cổ đông Công ty CPĐT Nam Long năm 2022 đủ điều kiện tiến hành.

D. NỘI DUNG CUỘC HỌP

- Bà Trần Thị Hải Đường, người dẫn chương trình, thay mặt Ban tổ chức tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu.
- Bà Trần Thị Hải Đường, người dẫn chương trình, thay mặt Ban tổ chức báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và công bố đủ điều kiện tiến hành Đại hội.
- Ông Nguyễn Xuân Quang, Chủ tọa Đại hội, đề cử Chủ tọa đoàn, bao gồm:
 - Ông Nguyễn Xuân Quang Chủ tịch Hội đồng quản trị ("HĐQT")
 - Ông Trần Thanh Phong Phó Chủ tịch HĐQT
 - Ông Cao Tấn Thạch Thành viên HĐQT
 - Ông Trần Xuân Ngọc Tổng Giám đốc Tập đoàn
- Ông Trần Thanh Phong, Thành viên Chủ tọa đoàn đề cử Ban Hỗ trợ thông tin, Ban thư ký, và Ban kiểm phiếu như sau:

Ban hỗ trợ thông tin:

- Ông Châu Quang Phúc Đại diện Ban Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Đình Huy Giám đốc Đầu tư Tập đoàn
- Bà Nguyễn Thị Phương Giám đốc Nhân sự Tập đoàn
- Ông Trần Quốc Thắng Giám đốc Chiến lược Tập đoàn
- Ông Nguyễn Minh Quang Giám đốc Sales & Marketing

Ban thư ký:

- Ông Trương Công Nghĩa Phó Ban tổ chức ĐHĐCĐ
- Ông Đường Văn Thanh Luật sư HĐQT
- Bà Vũ Thị Mỹ Hạnh Chuyên viên cấp cao VPHĐQT
- Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung Trợ lý cấp cao VPHĐQT

Ban kiểm phiếu:

- Bà Nguyễn Lưu Tuyền Chuyên gia độc lập Tiểu ban Kiểm toán, Trưởng Ban kiểm phiếu
 - Bà Nguyễn Thụy Hoài Hương Phó Giám đốc Khối Đầu tư
 - Bà Nguyễn Thị Hương Phó Giám đốc Khối Đầu tư
- Đại hội đã biểu quyết thông qua các đề cử trên, đồng thời thông qua Quy chế làm việc và Thể lệ biểu quyết tại ĐHĐCĐ 2022 với tỷ lệ đồng ý là 100%.
 - Ông Trần Thanh Phong, Thành viên Chủ tọa đoàn, giới thiệu chương trình Đại hội. Đại hội đã biểu quyết thông qua toàn bộ chương trình Đại hội với tỷ lệ đồng ý là 100%.

Chủ tọa đoàn, Ban thư ký bắt đầu tiến hành Đại hội.

I. PHẦN BÁO CÁO

- Những sự kiện nổi bật của Nam Long trong năm 2021 – Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán

Ông Trần Xuân Ngọc, Tổng Giám đốc Tập đoàn, trình bày về Những sự kiện nổi bật của Nam Long trong năm 2021 – Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán (Đính kèm Báo cáo).

2. Vấn đề phân phối lợi nhuận theo kết quả kinh doanh 2021 và kế hoạch chi trả cổ tức đợt 2 năm 2021 bằng tiền

Ông Trần Xuân Ngọc, Tổng Giám đốc Tập đoàn, trình bày về Vấn đề phân phối lợi nhuận theo kết quả kinh doanh 2021 và kế hoạch chi trả cổ tức đợt 2 năm 2021 bằng tiền (Đính kèm Báo cáo).

3. Cập nhật Kế hoạch kinh doanh 3 năm 2021 - 2023

Ông Trần Xuân Ngọc, Tổng Giám đốc Tập đoàn, trình bày về Cập nhật Kế hoạch kinh doanh 3 năm 2021 - 2023 (Đính kèm Báo cáo).

4. Kế hoạch kinh doanh, Kế hoạch phân phối lợi nhuận và Kế hoạch chi trả cổ tức 2022

Ông Trần Xuân Ngọc, Tổng Giám đốc Tập đoàn, trình bày về Kế hoạch kinh doanh, Kế hoạch phân phối lợi nhuận và Kế hoạch chi trả cổ tức 2022 (Đính kèm Báo cáo).

- Bà Trần Thị Hải Đường, người dẫn chương trình, cập nhật số lượng cổ đông tại 09h15. Số cổ đông hiện diện: 330 người; đại diện cho 226.592.870 cổ phần, chiếm 59,17% tổng số cổ phần Công ty.

5. Báo cáo hoạt động 2021 & định hướng 2022 của HĐQT

Ông Nguyễn Xuân Quang, Chủ tịch HĐQT, trình bày về Báo cáo hoạt động 2021 & định hướng 2022 của HĐQT (Đính kèm Báo cáo).

6. Đề xuất Ngân sách hoạt động năm 2022 của HĐQT

Ông Ngian Siew Siong, Thành viên HĐQT – Trưởng Tiểu ban Nhân sự, trình bày về Đề xuất Ngân sách hoạt động năm 2022 của HĐQT (Đính kèm Báo cáo).

7. Báo cáo việc mua bảo hiểm trách nhiệm cho các Thành viên HĐQT năm 2021 và đề xuất cho năm 2022

Ông Ngian Siew Siong, Thành viên HĐQT – Trưởng Tiểu ban Nhân sự, trình bày về Báo cáo mua bảo hiểm trách nhiệm cho các Thành viên HĐQT năm 2021 và đề xuất cho năm 2022 (Đính kèm Báo cáo)

8. Báo cáo về triển khai Chính sách ESG năm 2021

Ông Ngian Siew Siong, Thành viên HĐQT – Trưởng Tiểu ban Nhân sự, trình bày về việc Triển khai Chính sách thưởng cổ phiếu cho lãnh đạo cấp cao (ESG) năm 2021 (Đính kèm Báo cáo).

9. Báo cáo hoạt động 2021 của Tiểu ban Kiểm toán

Ông Kenneth M Atkinson, Thành viên độc lập HĐQT – Trưởng Tiểu ban Kiểm toán, trình bày về Báo cáo hoạt động 2021 của Tiểu ban Kiểm toán (Đính kèm Báo cáo).

10. Đề xuất điều chỉnh một số ngành nghề kinh doanh của Nam Long

Ông Trần Thanh Phong, Phó Chủ tịch HĐQT, trình bày về Đề xuất điều chỉnh một số ngành nghề kinh doanh của Nam Long (Đính kèm Báo cáo).

11. Điều chỉnh Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT

Ông Trần Thanh Phong, Phó Chủ tịch HĐQT, trình bày về việc Điều chỉnh Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT (Đính kèm Báo cáo).

II. PHẦN TỜ TRÌNH VỀ CÁC NỘI DUNG CẦN BIỂU QUYẾT THÔNG QUA TẠI ĐẠI HỘI

Ông Trần Thanh Phong, Phó Chủ tịch HĐQT, thay mặt HĐQT trình bày 10 nội dung đề xuất lên Đại hội biểu quyết thông qua:

1. Báo cáo tài chính hợp nhất 2021 đã kiểm toán
2. Vấn đề phân phối lợi nhuận theo kết quả kinh doanh 2021 và kế hoạch chi trả cổ tức đợt 2 năm 2021 bằng tiền
3. Kế hoạch kinh doanh, Kế hoạch phân phối lợi nhuận và Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022
4. Báo cáo hoạt động 2021 và định hướng 2022 của HĐQT
5. Ngân sách hoạt động năm 2022 của HĐQT
6. Mua bảo hiểm trách nhiệm cho các Thành viên HĐQT năm 2022
7. Phát hành cổ phiếu theo chính sách Thường khuyến khích dài hạn cho Lãnh đạo cấp cao (ESG) 2021
8. Điều chỉnh một số ngành nghề kinh doanh của Nam Long
9. Điều chỉnh và cập nhật Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT
10. Việc chọn đơn vị kiểm toán năm 2022

(Đính kèm Tờ trình chi tiết của 10 nội dung nêu trên).

III. PHẦN THẢO LUẬN, CHẤT VẤN VÀ GIẢI ĐÁP

Bà Trần Thị Hải Đường, người dẫn chương trình, mời Ban Hỗ trợ thông tin lên vị trí làm việc cho Phần Thảo luận, Chất vấn và Giải đáp như sau:

Ban hỗ trợ thông tin:

- | | |
|--------------------------|------------------------------|
| 1. Ông Châu Quang Phúc | Đại diện Ban Tổng giám đốc |
| 2. Ông Phạm Đình Huy | Giám đốc Đầu tư Tập đoàn |
| 3. Bà Nguyễn Thị Phương | Giám đốc Nhân sự Tập đoàn |
| 4. Ông Trần Quốc Thắng | Giám đốc Chiến lược Tập đoàn |
| 5. Ông Nguyễn Minh Quang | Giám đốc Sales & Marketing |

Các ý kiến thảo luận, chất vấn và giải đáp giữa Cổ đông với Chủ tọa đoàn như sau:

STT	Nội dung
1	<p>Cổ đông Nguyễn Bá Đăng, mã số cổ đông 238 và đại diện Norges Bank, mã số cổ đông 2180 có các câu hỏi tương đồng như sau:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Số liệu thể hiện trên Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2022 thấp hơn rất nhiều so với số kế hoạch được thể hiện trong tài liệu họp ĐHĐCĐ hôm nay. Quý Công ty vui lòng cho biết lý do có sự chênh lệch này, và trong Quý 2 năm 2022, kết quả kinh doanh có thể phục hồi và bù đắp cho phần lợi nhuận thấp hơn so với kế hoạch của Quý 1 hay không?2. Hiện tại, việc siết chặt nguồn vốn vào lĩnh vực bất động sản có ảnh hưởng đến hoạt động bán hàng của Công ty trong Quý 2 và Quý 3 năm 2022 không? Công ty có kế hoạch và giải pháp gì trong trường hợp việc bán hàng khó khăn do siết nguồn vốn vào bất động sản không?

	<p>1. Ông Châu Quang Phúc, đại diện Ban Tổng giám đốc trả lời như sau: Lợi nhuận dự kiến trong Quý 1 năm 2022 là 200 tỷ đồng, trong đó bao gồm việc ghi nhận lợi nhuận từ việc bán lại phần vốn góp của Công ty Paragon. Đối với giao dịch này, các bên đối tác đã ký hợp đồng với Nam Long và đã chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa. Tuy nhiên, việc thực hiện thủ tục chuyển tên và cập nhật giấy chứng nhận đầu tư hơi chậm so với dự kiến, nên khoản lợi nhuận (dự kiến là 350 tỷ đồng) từ việc chuyển nhượng này sẽ được dời lại và ghi nhận vào các quý sau trong năm 2022.</p> <p>2. Ông Nguyễn Minh Quang, Giám đốc Kinh doanh & Tiếp thị có câu trả lời như sau: Thực tế, trong thời gian vừa qua, báo chí và truyền thông cũng đề cập nhiều đến việc các ngân hàng hạn chế cho vay đối với ngành bất động sản. Công ty Nam Long cũng đã có những buổi làm việc trực tiếp với nhiều ngân hàng mà từ trước đến nay vẫn thường xuyên tài trợ cho khách hàng của Nam Long trong việc mua các sản phẩm của Công ty, thì các ngân hàng này cho biết sẽ không thay đổi chính sách cho vay và vẫn sẵn sàng cấp khoản vay cho các khách hàng của Nam Long đối với các dự án của Công ty mà có đầy đủ hồ sơ pháp lý, quy hoạch, giấy phép bán hàng... Cùng với việc có đầy đủ hồ sơ pháp lý và sự ủng hộ mạnh mẽ từ các ngân hàng thì đây là một lợi thế lớn cho việc bán hàng của Nam Long.</p> <p>Ông Nguyễn Xuân Quang, Chủ tịch HĐQT cũng cho biết thêm: Nam Long cũng không thể tránh khỏi khó khăn do việc thắt chặt nguồn vốn, tuy nhiên, chúng tôi đã chuẩn bị sẵn sàng cho những vấn đề này. Chiến lược đầu tiên của Nam Long là hợp tác cùng phát triển với các đối tác quốc tế, đối tác có nguồn lực mạnh như Hankyu, NNR, Keppel Land..., và sử dụng các năng lực không chỉ phát triển đô thị mà còn có năng lực tài chính. Bên cạnh đó là khả năng huy động vốn ở những thị trường có giá rẻ. Trong các chương trình làm việc liên doanh giữa Nam Long và đối tác nước ngoài thì ngoài chuyện đối tác chuyển tiền để cùng liên doanh phát triển dự án thì sẽ có ngân hàng hỗ trợ cho vay, chúng tôi kết hợp lãi suất cho vay trong nước & nước ngoài và đề xuất mức lãi suất cạnh tranh. Do đó, hiếm khi xảy ra biến động về giá cả và lãi suất. Ngoài ra, Nam Long cũng đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và là một tổ chức uy tín, nên khi thực hiện các công việc như phát hành cổ phần riêng lẻ thì nhận được sự ủng hộ rất nhiều từ phía các cổ đông và nhà đầu tư. Cuối cùng, Nam Long đang có chiến lược lâu dài để xây dựng uy tín trên thị trường tài chính, nỗ lực để lấy được điểm đánh giá cao về uy tín tài chính và Nam Long đã thành công trong việc huy động vốn thông qua trái phiếu từ phía Keppel Land, IFC... Gần đây nhất, IFC đã thỏa thuận đầu tư cho Nam Long 1.000 tỷ đồng thông qua việc phát hành trái phiếu dài hạn. Đây chính là chiến lược phát triển của Nam Long, và chúng tôi đang từng bước phát triển kênh huy động vốn để có thể huy động vốn ngoài biên giới.</p>
2	<p>Cổ đông Kiều Trí Đăng, mã số cổ đông 452 có câu hỏi như sau: Tại sao chi phí bán hàng năm 2021 cao đột biến (chiếm 8% doanh thu) trong khi thị trường bất động sản có dấu hiệu tốt?</p> <p>Ông Châu Quang Phúc, đại diện Ban Tổng Giám đốc trả lời như sau: Chi phí bán hàng năm 2021 cao do dự án Southgate được hợp nhất doanh thu vào cuối năm 2021. Thực tế, trong FS của một dự án thì chi phí bán hàng chiếm từ 7 – 9%, trong đó bao gồm các hạng mục hoa hồng môi giới, tài trợ cho người mua nhà, chi phí kinh doanh & tiếp thị, nhà mẫu, chi phí liên quan đến chủ quyền... Tổng chi phí bán hàng năm 2021 chiếm khoảng 8% doanh thu cũng đã nằm trong kế hoạch phát triển của dự án.</p>
3	<p>Cổ đông Võ Thị Liêm, mã số cổ đông 510 có câu hỏi như sau: Tại sao tất cả các chỉ số về doanh thu, lợi nhuận trước và sau thuế, phân phối lợi nhuận kế hoạch năm 2022 đều tăng so với thực tế năm 2021, nhưng tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2022 lại thấp hơn so với năm 2021?</p>

	<p>Ông Phạm Đình Huy, Giám đốc Đầu tư Tập đoàn có câu trả lời như sau: Việc đề xuất các phương án chi trả cổ tức căn cứ vào nhu cầu về nguồn vốn kinh doanh của Công ty qua các năm. Nguồn vốn này dựa trên công thức cơ bản là 40% tỷ lệ lợi nhuận sẽ được dùng tối đa cho việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt. Do đó, tỷ lệ lợi nhuận năm 2021 sẽ tương ứng với việc đề xuất chi trả cổ tức bằng tiền mặt là 15%/mệnh giá, và năm 2022 là 10%/mệnh giá. Bên cạnh đó, trong năm 2021, Công ty có kế hoạch phát hành cổ phần riêng lẻ để tăng vốn, lấy nguồn tiền huy động mới để phát triển dự án, và để tạo độ hấp dẫn về cổ phiếu cho năm 2021, Ban lãnh đạo Công ty đã đề xuất tỷ lệ là 15%/mệnh giá, tương ứng với 5% thị giá và tương đương với lãi tiền gửi tiết kiệm, điều này làm cho cổ phiếu của Nam Long trở nên hấp dẫn hơn với nhà đầu tư. Kết quả là cuối năm 2021, Công ty đã thực hiện thành công việc phát hành riêng lẻ và mang về 2.000 tỷ đồng. Đây là các lý do mà chính sách cổ tức năm 2021 hơi đặc thù so với các năm khác. Chính sách chi trả cổ tức năm 2022 quay về tỷ lệ thông thường mà các năm trước (2019, 2020...) Công ty thường đề xuất.</p>
	<p>Cổ đông Đỗ Hoàng Phương Chi, mã số cổ đông 12457 có các câu hỏi như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kế hoạch 2022 với tổng quy mô bán hàng > 23.400 tỷ đồng tương ứng với bao nhiêu sản phẩm và phân bổ theo các dự án nào? Timeline mở bán trong năm 2022 ra sao (đặc biệt là trong Quý 2 năm 2022)? 2. Vui lòng chia sẻ thêm về chiến lược bán hàng tại Izumi Đồng Nai, hiện nay, Aqua City có nhiều dịch vụ trải nghiệm bán hàng rất ấn tượng, vậy Nam Long có/sẽ triển khai các trải nghiệm như vậy để thúc đẩy bán hàng tại Izumi không?
4	<p>Ông Nguyễn Minh Quang, Giám đốc Kinh doanh & Tiếp thị có các câu trả lời như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Theo kế hoạch năm 2022, tổng doanh số bán hàng là 23.400 tỷ đồng đến từ 2 nhóm: (i) nhóm các dự án cũ đã triển khai trong các năm trước và tiếp tục mở bán trong năm nay bao gồm dự án Southgate, Mizuki Park, Akari; (ii) các dự án mới cũng đóng góp vào doanh số bán hàng của năm 2022 bao gồm dự án Izumi City tại Đồng Nai, giai đoạn tiếp theo của dự án Càn Thơ 43ha và vào Quý 4 năm 2022 sẽ có sự tham gia của dự án PG Hải Phòng và Paragon Đại Phước khi đạt đủ các điều kiện về mở bán. Riêng Quý 2 năm 2022, Công ty có kế hoạch mở bán giai đoạn tiếp theo của dự án Ehome Southgate (Waterpoint), dòng sản phẩm Flora Panorama tại dự án Mizuki Park, dự án Akari giai đoạn 2. 2. Đối với dự án Izumi, Nam Long đã đầu tư thời gian đáng kể vào công tác quy hoạch và thiết kế để đưa ra sản phẩm nằm trong tầm thanh toán của đa số các khách hàng mục tiêu của Nam Long, và đối tượng mà chúng tôi nhắm tới là những khách hàng có nhu cầu thực (mua để ở). Bên cạnh đó, về thiết kế đô thị, các khu dân cư được thiết kế dọc trên 5 trục đô thị, đa số các khu dân cư, khu ở được thiết kế theo mô hình khép kín (compound), đảm bảo vấn đề về an ninh, an toàn cho cư dân khi dịch chuyển về khu đô thị mới để sinh sống. Các khu thương mại, khu mở cũng được đặt dọc theo các trục đô thị. Các chỉ tiêu về quy hoạch, cảnh quan, cây xanh đã được thiết kế theo chuẩn modern township (khu đô thị tích hợp) của Nam Long. Sau khi đáp ứng đủ điều kiện và sẵn sàng để mở bán sản phẩm, Nam Long sẽ tổ chức hệ thống bán hàng tối ưu bao gồm nội bộ và những đơn vị bán hàng xuất sắc nhất tại khu đông của Thành phố để cùng tham gia bán hàng.

	<p>Đại diện Công ty CP Chứng khoán VNDirect, mã số cổ đông 26 có các câu hỏi như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kế hoạch phát triển quỹ đất trong giai đoạn tới trong điều kiện giá đất tăng nhanh như hiện nay và chính sách thắt chặt vốn đổ vào lĩnh vực bất động sản (trái phiếu, tín dụng bị hạn chế)? 2. Giá đất và chi phí xây dựng tăng ảnh hưởng như thế nào đến chiến lược "affordable housing" của Công ty? Việc tiếp tục theo đuổi chiến lược này ảnh hưởng như thế nào đến biên lợi nhuận và công ty có biện pháp gì để duy trì/cải thiện tỷ suất biên lợi nhuận không?
5	<p>Ông Nguyễn Xuân Quang, Chủ tịch HĐQT có các câu trả lời như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sơ đồ tổ chức của Nam Long có riêng 1 Đơn vị kinh doanh (BU) chỉ để phát triển quỹ đất và được chúng tôi gọi là Land development. Mỗi công ty đều có công thức phát triển quỹ đất, riêng Nam Long bắt đầu từ raw land (đất thô), trên các dự án đã sẵn sàng của các đối tác, và tập trung vào các dự án trên các hệ thống phát triển giao thông, phát triển quy hoạch thuộc các vùng phát triển, do đó, các dự án của Nam Long luôn nằm trong các vùng phát triển và luôn đi trước từ 10 – 15 năm. Đây chính là chiến lược phát triển quỹ đất của Nam Long. Bên cạnh đó, Nam Long phát triển quỹ đất trên nền tảng kết hợp với các đối tác lớn, đối tác có quỹ đất lớn, các chủ đất mà có quỹ đất sẵn sàng để hợp tác. Đương nhiên, Nam Long cũng sẵn sàng tham gia vào các chương trình đấu giá đất của Nhà nước. Như chúng ta cũng biết, TP.HCM đã quyết định mở rộng đường Vành đai 3 kết nối từ TP.HCM, Bình Dương, Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu. Cùng với việc hình thành dự án này thì sẽ có hàng nghìn hecta đất để phát triển dự án trên đường Vành đai 3. Ngoài ra, Hà Nội cũng quyết định mở thêm đường Vành đai 4 trong tháng 5 năm 2022; và các tỉnh lớn như Đà Nẵng, Hải Phòng, Bắc Ninh, Cần Thơ... cũng có các quỹ đất phát triển lớn. Do đó, chiến lược cần thiết là phát triển quỹ đất trên vùng phát triển giao thông, phát triển quy hoạch như đã nêu. 2. Đầu tư xây dựng affordable housing là việc không thể không làm, Chính phủ đã có quy định mỗi dự án phải dùng 20% quỹ đất hoặc 10% sản phẩm cao tầng để phát triển nhà ở xã hội, do đó, trong các dự án hàng trăm hecta của Nam Long đều dành quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội. Ngoài ra, chiến lược phát triển của Nam Long là hình thành quỹ đất trên những vùng không chỉ dành riêng cho sản phẩm cao cấp, nhưng có thể triển khai các sản phẩm vừa túi tiền với giá đất rẻ, có thể triển khai một cách nhanh nhất, chi phí tài chính ít nhất, công nghệ thiết kế và xây dựng nhanh nhất để chi phí xây dựng ít nhất có thể.
6	<p>Cổ đông Trần Thị Ngọc Lan, mã số cổ đông 513 có các câu hỏi như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty vui lòng giải thích lý do vì sao lợi ích của cổ đông thiểu số lại tăng cao (năm 2021 – 2022)? 2. Tiểu ban Quan hệ cổ đông có số điện thoại để cổ đông trao đổi không?

	<p>Ông Châu Quang Phúc, đại diện Ban Tổng giám đốc có các câu trả lời như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Lợi ích của cổ đông thiểu số tăng do việc hạch toán kế toán. Nam Long đã hợp nhất Công ty Southgate vào năm 2021, theo nghiệp vụ kiểm toán, khi hợp nhất công ty, doanh thu của Công ty Southgate cũng được ghi nhận vào doanh thu hợp nhất, đồng thời lợi nhuận cũng được hạch toán 100% vào lợi nhuận hợp nhất, sau đó sẽ có bút toán ghi tách bạch lợi nhuận của công ty mẹ và lợi nhuận của cổ đông thiểu số. Trước khi hợp nhất thì Nam Long không ghi nhận doanh thu của Công ty Southgate cho cổ đông thiểu số, mà ghi nhận trực tiếp phần lợi nhuận tương ứng với phần sở hữu của Nam Long trong Southgate vào lợi nhuận của Công ty. <p>Ông Phạm Đình Huy, Giám đốc Đầu tư Tập đoàn cũng chia sẻ thêm: Việc ghi nhận lợi ích của cổ đông thiểu số trên báo cáo quý 1 chỉ mang tính chất thời điểm, vì Nam Long hiện nay đang đầu tư khoảng 6 dự án cùng một lúc, và 6 dự án này là 6 công ty khác nhau, trong đó, có những công ty đang trong giai đoạn đầu tư nhưng bán hàng rất tốt (ví dụ như dự án Izumi), tuy nhiên chưa bàn giao sản phẩm nên chưa được ghi nhận doanh thu, lợi nhuận thì công ty dự án này đang ghi nhận lợi nhuận lỗ trên sổ sách. Do đó, tổng danh mục 6 dự án của Nam Long sẽ có công ty lỗ và công ty lời, khi cộng dồn lại thì sẽ ra phần lời ít hơn so với những công ty chỉ có cổ đông thiểu số mà chỉ có lời mà thôi. Đó là lý do lợi ích cổ đông thiểu số nhiều hơn đa số và đây chỉ là đặc thù của quý 1 mà thôi.</p> <ol style="list-style-type: none"> Các thông tin về Tiểu ban Quan hệ cổ đông đã được thể hiện trên website của Công ty, Quý cổ đông có thể truy cập vào website và lấy những thông tin liên lạc cần thiết.
	<p>Cổ đông Nguyễn Tiến Đạt, mã số cổ đông 3739 có các câu hỏi như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Năm 2021 Nam Long đã bàn giao các dự án nào? Vui lòng chia sẻ số lượng căn hộ đã bàn giao tại các dự án. Các căn hộ tại dự án Mizuki từ MP1 đến MP8 đã được ghi nhận doanh thu, lợi nhuận chưa? Cụ thể như thế nào?
7	<p>Ông Châu Quang Phúc, đại diện Ban Tổng giám đốc có các câu trả lời như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Năm 2021, Nam Long đã bàn giao các dự án Akari (1.500/1.700 sản phẩm) và Southgate (hơn 500 sản phẩm). Trong năm 2022 sẽ bàn giao thêm khoảng 480 sản phẩm thuộc dự án Southgate. Nam Long đã ghi nhận doanh thu lợi nhuận 5 block từ MP1 đến MP5, các block còn lại sẽ được ghi nhận vào năm 2023.
8	<p>A. Cổ đông Đỗ Hoàng Phương Chi, mã số cổ đông 12457 có câu hỏi như sau: Ban lãnh đạo vui lòng chia sẻ thêm về kế hoạch mở rộng quỹ đất trong năm 2022, kế hoạch huy động vốn (equity/nợ vay) (nếu có)</p> <p>B. Đại diện Công ty CP Chứng khoán VN Direct, mã số cổ đông 26 có câu hỏi như sau: Kế hoạch nguồn vốn cho các giai đoạn sắp tới để triển khai các dự án lớn như thế nào (vd: Waterpoint...)?</p> <p>C. Cổ đông Nguyễn Hoàng Hà, mã số cổ đông 21640 có câu hỏi như sau: Vốn đầu tư hạ tầng tối đa của Nam Long vào dự án Waterpoint Long An là bao nhiêu?</p> <p>D. Cổ đông Phạm Ngọc Trung, mã số cổ đông 11015 có câu hỏi như sau: Thông tin mới nhất về điều chỉnh 1/500 dự án Waterpoint giai đoạn 2 (190ha): Thời gian xây dựng dự án? Dự kiến khi nào bán một phần dự án cho đối tác?</p>

	<p>Do các câu hỏi trên có điểm tương đồng nên Ông Phạm Đình Huy, Giám đốc Đầu tư Tập đoàn có các câu trả lời như sau:</p> <p>Trong năm 2022, Nam Long không có kế hoạch về tăng vốn điều lệ giống năm 2021, ngoại trừ việc phát hành cổ phiếu theo Chính sách ESG.</p> <p>Về kế hoạch nợ, như các cổ đông cũng biết, Nam Long mới thực hiện huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu 1.000 tỷ đồng với IFC. Mục đích sử dụng vốn cho việc phát hành này là để thực hiện đầu tư chi phí hạ tầng cho giai đoạn 2 của dự án Waterpoint. Tổng chi phí đầu tư hạ tầng dự kiến cho dự án Waterpoint (190ha) là 4.000 – 5.000 tỷ đồng. Chi phí hạ tầng đã đầu tư giai đoạn 1 của dự án này khoảng 3.600 tỷ đồng, và để thực hiện được chi phí này thì thông thường công ty dự án chỉ cần vay 1.600 tỷ đồng cộng với việc bán sản phẩm hình thành tài sản trong tương lai. Cũng sử dụng công thức tương tự như vậy cho giai đoạn 2, hiện nay, Nam Long đã được tài trợ 1.000 tỷ từ phát hành trái phiếu với IFC cộng với việc sẽ có thêm phần bán vốn cho đối tác nước ngoài thì sẽ có đủ nguồn đáp ứng cho việc đầu tư cơ sở hạ tầng này. Do đó, Quý cổ đông có thể yên tâm về phần vốn của công ty dự án là không có vấn đề trong trường hợp Nam Long đã thành công trong việc huy động vốn từ trái phiếu IFC vừa rồi.</p> <p>Hiện nay, quy hoạch của giai đoạn 2 phụ thuộc vào kết quả bán hàng của giai đoạn 1. Năm 2021, Nam Long đã bán hết 100% sản phẩm Ehome Southgate là sản phẩm trung tầng và cao tầng đầu tiên của khu vực Bến Lức, và sắp tới sẽ mở bán tiếp Ehome Southgate giai đoạn 2, và việc hấp thụ sản phẩm trung tầng và cao tầng này sẽ quyết định chủ trương quy hoạch giai đoạn 2 của dự án Waterpoint. Nam Long sẽ khảo sát thêm và đưa ra quyết định cuối cùng về quy hoạch 1/500 của dự án. Việc huy động vốn cho giai đoạn 2 sẽ được thực hiện vào cuối năm 2023 và đầu năm 2024 sau khi Công ty phát hành thành công trái phiếu với IFC và đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đó là cách nâng giá trị dự án lên cao nhất có thể trước khi bán lại cho đối tác.</p>
9	<p>Cổ đông Vũ Hải Đăng, mã số cổ đông 21220 có câu hỏi như sau:</p> <p>Giá đất đang tăng cao thì Công ty có tính toán được thời điểm mở bán dự án để có biên lợi nhuận tốt nhất không?</p> <p>Ông Phạm Đình Huy, Giám đốc Đầu tư Tập đoàn trả lời như sau:</p> <p>Nếu xét riêng về góc độ biên lợi nhuận thì khi giá đất (đầu vào) cao, biên lợi nhuận sẽ giảm, đó là kết quả bình thường. Tuy nhiên, việc mua đất tích lũy lâu, biên lợi nhuận chắc chắn sẽ cao hơn, sau đó triển khai dự án trong thời gian dài thì IRR và giá trị hoàn vốn nội tại của một dự án chưa chắc đã cao hơn khi biên lợi nhuận ít lại nhưng quy trình hay thời gian đầu tư dự án ngắn hơn. Do đó, khi thị trường lên, giá đất cao thì lựa chọn về pháp lý của dự án cũng phải phù hợp để cho phép Công ty bán hàng sớm hơn và hoàn vốn nhanh hơn.</p>
10	<p>Cổ đông Nguyễn Tiến Phúc, mã số cổ đông 10816 có ý kiến đóng góp như sau:</p> <p>Phần trình bày của Ban tổ chức ĐHĐCĐ 2022 rất hay, rất ấn tượng. Tuy nhiên, đối với tên gọi ESG dễ bị nhầm lẫn với Environmental – Social – Governance (Môi trường – Xã hội – Quản trị công ty), một cụm từ rất phổ biến. Nếu có thể, Công ty nên dùng thuật ngữ “ESOP” để phù hợp với không chỉ thông lệ chung trên thị trường Việt nam mà còn thông lệ chung của quốc tế.</p>

Ông Trần Xuân Ngọc, Tổng giám đốc Tập đoàn chia sẻ như sau:

Trước đây, Nam Long cũng có khoảng thời gian sử dụng thuật ngữ ESOP, sau này chúng tôi đổi thành ESG viết đầy đủ là Executive Stock Grant (thường khuyến khích dài hạn cho lãnh đạo cấp cao). Về bản chất, chính sách ESOP và ESG khác nhau. Tuy nhiên, chúng tôi cũng ghi nhận ý kiến đóng góp của cổ đông vì thuật ngữ ESG (Environmental – Social – Governance = Môi trường – Xã hội – Quản trị công ty), là thuật ngữ ngày càng được sử dụng phổ biến trong nước và quốc tế, và chúng tôi sẽ xem xét điều chỉnh cho phù hợp trong tương lai. Ngoài ra, chúng tôi cũng muốn chia sẻ rằng chính sách ESG của Nam Long đóng vai trò rất lớn trong việc tác động đến nỗ lực làm việc của Ban Tổng giám đốc cũng như cán bộ nhân viên Nam Long. Như chúng ta cũng thấy, đằng sau những con số rất lớn, rất kỳ vọng trong kế hoạch kinh doanh năm 2022, 3 năm, và 10 năm tiếp theo đều có sự nỗ lực hết mình của đội ngũ nhân viên Nam Long. Một trong những điểm quan trọng nhất của Nam Long trong những năm qua và những năm sắp tới là làm thế nào để xây dựng một đội ngũ bộ máy mạnh mẽ, đầy đủ kiến thức, kinh nghiệm, cũng như hoài bão để có thể hiện thực hóa chiến lược, kế hoạch kinh doanh của Nam Long. Tiêu chí mà chúng tôi tập trung thực hiện trong năm 2022 là đoàn kết, tốc độ và bứt phá. Để hiện thực hóa được những mục tiêu này thì Chính sách ESG đóng vai trò rất lớn.

Theo Quy chế làm việc đã được ĐHĐCĐ 2022 thông qua, để kịp thời lượng chương trình nêu các Quý vị cổ đông còn thêm các câu hỏi khác thì Tiểu ban Quan hệ cổ đông sẽ tiếp tục trả lời bằng văn bản sau Đại hội.

IV. PHẦN BIỂU QUYẾT

Kết quả kiểm phiếu việc biểu quyết của Đại hội như sau:

1. Báo cáo tài chính hợp nhất 2021 đã kiểm toán

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý là 99.971%

2. Vấn đề phân phối lợi nhuận theo kết quả kinh doanh 2021 và kế hoạch chi trả cổ tức đợt 2 năm 2021 bằng tiền

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý là 99.955%

3. Kế hoạch kinh doanh, Kế hoạch phân phối lợi nhuận và Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý là 99.778%

4. Báo cáo hoạt động 2021 và định hướng 2022 của HĐQT

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý là 99.786%

5. Ngân sách hoạt động năm 2022 của HĐQT

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý là 99.645%

6. Mua bảo hiểm trách nhiệm cho các Thành viên HĐQT năm 2022

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý là 98.606%

7. Phát hành cổ phiếu theo chính sách Thưởng khuyến khích dài hạn cho Lãnh đạo cấp cao (ESG) 2021

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý là 89.385%

8. Điều chỉnh một số ngành nghề kinh doanh của Nam Long

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý là 98.841%

9. Điều chỉnh và cập nhật Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý là 99.646%

10. Việc chọn đơn vị kiểm toán năm 2022

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý là 99.660%

V. PHẦN KẾT LUẬN

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu biểu quyết nêu trên, Đại hội nhất trí thông qua:

1. Báo cáo tài chính hợp nhất 2021 đã kiểm toán
2. Vấn đề phân phối lợi nhuận theo kết quả kinh doanh 2021 và kế hoạch chi trả cổ tức đợt 2 năm 2021 bằng tiền
3. Kế hoạch kinh doanh, Kế hoạch phân phối lợi nhuận và Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022
4. Báo cáo hoạt động 2021 và định hướng 2022 của HĐQT
5. Ngân sách hoạt động năm 2022 của HĐQT
6. Mua bảo hiểm trách nhiệm cho các Thành viên HĐQT năm 2022
7. Phát hành cổ phiếu theo chính sách Thưởng khuyến khích dài hạn cho Lãnh đạo cấp cao (ESG) 2021
8. Điều chỉnh một số ngành nghề kinh doanh của Nam Long
9. Điều chỉnh và cập nhật Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT
10. Việc chọn đơn vị kiểm toán năm 2022

Đại hội kết thúc vào lúc 12 giờ 00 phút cùng ngày.

Biên bản này đã được đọc trước Đại hội và được toàn thể cổ đông tham dự Đại hội thông qua.

Thư ký Đại hội

Chủ tọa Đại hội

VŨ THỊ MỸ HẠNH

ĐƯỜNG VĂN THANH



NGUYỄN XUÂN QUANG

NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG

TRƯƠNG CÔNG NGHĨA



NAM LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM LONG

6 Nguyễn Khắc Viện, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 54 16 17 18

Fax: (08) 54 17 18 19

Website : www.namlongvn.com

Số: 01/2022/NQ/ĐHĐCĐ/NLG

TP.HCM, ngày 23 tháng 04 năm 2022

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM LONG

Căn cứ vào:

- Luật Doanh nghiệp năm 2020 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long hiện hành;
- Tờ trình từ Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long ngày 23/04/2022;
- Biên bản kiểm phiếu tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long ngày 23/04/2022;
- Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long ngày 23/04/2022.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM LONG

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam với các nội dung chính như sau:

Tỷ VND

Stt	Chỉ tiêu	Kết quả kiểm toán 2021	Kế hoạch 2021	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch
1	Doanh thu thuần	5.206	4.963	105%
2	Lợi nhuận sau thuế	1.478	1.367	108%
3	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	1.071	1.152	93%

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: **99,971%**

Điều 2: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận theo kết quả kinh doanh năm 2021 và kế hoạch chi trả cổ tức đợt 2 năm 2021 bằng tiền như sau:

Tỷ VND

Stt	Hạng mục	Năm 2021	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	1.070,83	
2	Trích lập các quỹ		
	- Trích lập Quỹ khen thưởng (*)	32,12	3% lợi nhuận sau thuế
	- Trích lập Quỹ phúc lợi	10,00	
	- Thường cho HĐQT	10,71	1% lợi nhuận sau thuế
3	Lợi nhuận sau khi trích lập các quỹ	1.018,00	

4	- Chi trả cổ tức bằng tiền (**)	427,91	
5	Lợi nhuận giữ lại năm 2021	590,09	

(*) Quỹ khen thưởng sẽ được thực hiện thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng ESG (số lượng cổ phiếu phát hành chính thức sẽ căn cứ chính sách cổ phiếu thưởng ESG của Công ty đã được ban hành); và thưởng bằng tiền khác theo chính sách Công ty.

(**) Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền là 213,96 tỷ đồng vào tháng 12/2021. Cổ tức bằng tiền còn lại là 213,95 tỷ đồng sẽ được thanh toán sau ĐHCĐ 2022 (Quý 2/2022).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: **99,955%**

Điều 3: Thông qua Kế hoạch Kinh doanh, Kế hoạch phân phối lợi nhuận và Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022 với các chỉ tiêu chính như sau:

3.1. Kế hoạch Kinh doanh năm 2022:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	Thực tế 2021	% so với 2021
1	Doanh thu thuần	7.151	5.206	37%
2	Lợi nhuận sau thuế	1.526	1.478	3%
3	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	1.206	1.071	13%

3.2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

Stt	Hạng mục	Năm 2022
1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	1.206,00
2	Trích lập các quỹ	
	- Trích lập Quỹ khen thưởng (4%)	48,24
	- Trích lập Quỹ phúc lợi	10,00
	- Thưởng cho HĐQT (1%)	12,06
3	Lợi nhuận sau khi trích lập các quỹ	1.135,70
4	Cổ tức bằng tiền mặt (10%)	382,94
5	Lợi nhuận giữ lại năm 2022	752,76

3.3. Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022 như sau:

- Đề xuất tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2022: cổ tức bằng tiền mặt 10% trên mệnh giá sẽ được thực hiện như sau:

(i) Đợt 1: tạm ứng cổ tức bằng tiền 5%, dự kiến thực hiện trong tháng 12 năm 2022;

(ii) Đợt 2: chi cổ tức bằng tiền 5%, dự kiến thực hiện sau ĐHCĐ năm 2023.

Tổng cổ tức dự kiến: **382,94 tỷ đồng**

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: **99,778%**

Điều 4: Thông qua Báo cáo hoạt động 2021 & định hướng năm 2022 của Hội đồng quản trị (đính kèm Báo cáo).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: **99,786%**

Điều 5: Thông qua Ngân sách hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2022 như sau:

1. Ngân sách hoạt động cố định là: **17,88 tỷ đồng** (bằng chữ: mười bảy tỷ tám trăm tám mươi triệu đồng) (không vượt quá 0,25% trên doanh thu kế hoạch năm 2022)
2. Thưởng không cố định là: **12,06 tỷ đồng** (bằng chữ: mười hai tỷ sáu mươi triệu đồng) (không vượt quá 1% trên lợi nhuận sau thuế có kiểm toán năm 2022)

Và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị phân bổ chi tiết cho các thành viên.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: **99,645%**

Điều 6: Thông qua việc mua bảo hiểm trách nhiệm cho các Thành viên HĐQT năm 2022 như sau:

1. Công ty bảo hiểm : Công ty TNHH Bảo hiểm AIG Việt Nam
2. Thời hạn bảo hiểm : từ 31/07/2022 đến 31/07/2023
3. Hạn mức bảo hiểm : 10.000.000 đô la Mỹ (Mười triệu đô la Mỹ)
4. Mức phí : 20.000 đô la Mỹ

Và Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các thủ tục liên quan đến việc mua bảo hiểm như trên.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: **98,606%**

Điều 7: Thông qua việc phát hành cổ phiếu theo chính sách Thưởng khuyến khích dài hạn cho Lãnh đạo cấp cao (ESG) năm 2021 như sau:

7.1. Thông qua việc phát hành cổ phiếu theo Chính sách Thưởng khuyến khích dài hạn dành cho các Lãnh đạo và Quản lý cấp cao – Chương trình ESG 2021-2023 (ESG) ban hành năm 2021. Cụ thể như sau:

- ❖ Tổng số lượng cổ phần theo kết quả kinh doanh 2021: 1.487.588 cổ phần
- ❖ Tổng số lượng cổ phần ESG dự kiến phát hành năm 2022:

STT	Nội dung	Số lượng (cổ phần)
1.	Số lượng cổ phần ESG đợt 3 năm 2019 (tương đương với 30% của tổng số 1.380.921 cổ phiếu ESG năm 2019 đã được phê duyệt)	414.276
2.	Số lượng cổ phần ESG đợt 2 năm 2020 (tương đương với 30% của tổng số 1.605.221 cổ phiếu ESG năm 2020 đã được phê duyệt)	481.566
3.	Số lượng cổ phần ESG tối đa dự kiến phát hành cho chương trình ESG trong đợt 1 năm 2021 dựa trên kết quả kinh doanh năm 2021 (tương đương với 40% của tổng số 1.487.588 cổ phiếu dự kiến phát hành cho chương trình ESG năm 2021)	595.035
	Tổng số lượng cổ phần ESG tối đa phát hành trong năm 2022	1.490.877

❖ Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình ESG cho người lao động trong công ty như sau:

1.	Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long
2.	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
3.	Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/Cổ phiếu

4.	Tổng số cổ phiếu đã phát hành	382.940.013 cổ phiếu
5.	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ năm 2022	382.940.013 cổ phiếu
6.	Số lượng cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
7.	Mục đích phát hành cổ phiếu	Thực hiện Chính sách thưởng khuyến khích dài hạn dành cho các Lãnh đạo và Quản lý cấp cao – Chương trình ESG 2021-2023 đã được ban hành năm 2021, theo kết quả kinh doanh 2021-2023
8.	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	Số lượng cổ phần ESG tối đa dự kiến phát hành trong năm 2022 là 1.490.877 cổ phần
9.	Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	Dự kiến tối đa 14.908.770.000 đồng
10.	Tỷ lệ phát hành	Tỷ lệ được tính toán theo công thức sau: Số lượng cổ phiếu phát hành / Số lượng cổ phiếu lưu hành thực tế tại thời điểm phát hành
11.	Giá phát hành	0 đồng/ cổ phiếu
12.	Nguồn vốn	Từ Quỹ khen thưởng căn cứ theo Báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long. Số tiền trích từ Quỹ khen thưởng để thực hiện chương trình này là 14.908.770.000 đồng.
13.	Hạn chế chuyển nhượng	Hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành
14.	Thời gian thực hiện	Trong năm 2022, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

7.2. Thông qua và Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị:

- (i) Quyết định tổng số cổ phần ESG phát hành trong năm 2022 trong phạm vi số cổ phần đã được phê duyệt nêu trên và thông qua danh sách đối tượng được tham gia chương trình, số lượng cổ phần ESG cụ thể cho từng đối tượng được hưởng chính sách ESG căn cứ theo chính sách ESG của năm liên quan;
- (ii) Chủ động trích lập Quỹ khen thưởng trên cơ sở Đại hội đồng cổ đông duyệt để thực hiện chương trình ESG;
- (iii) Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành chứng khoán gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án phát hành (bao gồm cả việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác);
- (iv) Quyết định thời gian phát hành cổ phiếu;
- (v) Thực hiện tất cả các thủ tục pháp lý cần thiết để phát hành cổ phiếu, đăng ký bổ sung và lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM đối với toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm theo chính sách ESG nêu trên;
- (vi) Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu;

- (vii) Thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ Công ty theo kết quả thực tế của từng đợt phát hành thành công cổ phiếu theo chính sách ESG nêu trên;
- (viii) Chỉ đạo, kiểm soát, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các nội dung nêu trên;
- (ix) Các công việc khác có liên quan;
- (x) HĐQT có thể ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT để thực hiện một hoặc một số công việc được ủy quyền nêu trên.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: **89,385%**

Điều 8: Thông qua việc điều chỉnh một số ngành nghề kinh doanh của Nam Long như sau:

8.1. Thông qua việc điều chỉnh một số ngành nghề kinh doanh của Nam Long, cụ thể như sau:

STT	Ngành nghề kinh doanh hiện hữu	Đề xuất điều chỉnh	Ngành nghề kinh doanh đã điều chỉnh	
			Nội dung	Mã ngành
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà ở (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê); Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu đô thị. Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao; Đầu tư xây dựng, kinh doanh, quản lý, khai thác, cho thuê công trình: cao ốc văn phòng, siêu thị, trường học, bể bơi, khách sạn, nhà hàng, sân golf, khu thể dục thể thao, khu du lịch nghỉ mát (không hoạt động tại trụ sở).	Không kinh doanh đầu tư xây dựng hạ tầng nghỉ trang, nghỉ địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng. Điều chỉnh theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. (Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản 2014).	6810
2	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công nghiệp và dân dụng.	Điều chỉnh theo Quyết định số: 27/2018/QĐ-TTg	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời. - Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...).	4299
		Bổ sung thêm mã ngành theo Quyết định số: 27/2018/QĐ-TTg	Xây dựng nhà không để ở.	4102
3	Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Sửa chữa nhà ở.	Điều chỉnh mã ngành và đổi tên theo Quyết định số: 27/2018/QĐ-TTg	Xây dựng nhà để ở.	4101

4	Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng cầu đường, bến cảng.	Điều chỉnh mã ngành và tên theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg. Bổ sung thêm mã ngành theo chi tiết.	Xây dựng công trình công ích khác. Chi tiết: Xây dựng công trình xử lý bùn. Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu.	4229
			Xây dựng công trình đường bộ. Chi tiết: Xây dựng cầu đường.	4212
			Xây dựng công trình thủy. Chi tiết: Xây dựng bến cảng.	4291
5	Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng.	Không điều chỉnh & giữ nguyên	Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng.	4312
6	Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Lắp đặt và sửa chữa hệ thống điện dưới 35KV.	Không điều chỉnh & giữ nguyên	Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Lắp đặt và sửa chữa hệ thống điện dưới 35KV.	4321
7	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ định giá bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ đấu giá bất động sản; - Dịch vụ quảng cáo bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản.	Loại bỏ: - Dịch vụ định giá bất động sản; - Dịch vụ đấu giá bất động sản. Điều chỉnh theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ đấu giá).	6820
8	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng.	Không điều chỉnh & giữ nguyên	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng.	4663
9	Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội thất.	Không điều chỉnh & giữ nguyên	Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội thất.	7410
10	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thẩm tra thiết kế. Dịch vụ tư vấn quản lý dự án.	Không điều chỉnh & giữ nguyên	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thẩm tra thiết kế. Dịch vụ tư vấn quản lý dự án.	7110

11	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác vật liệu xây dựng.	Loại bỏ		
12	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí. Chi tiết: Thi công xây dựng hệ thống cấp thoát nước (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản).	Điều chỉnh tên theo Quyết định số: 27/2018/QĐ-TTg	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí. Chi tiết: Thi công xây dựng hệ thống cấp thoát nước (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản).	4322

8.2. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh theo quy định của Pháp luật.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 98,841%

Điều 9: Thông qua việc điều chỉnh Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT

Thông qua toàn văn Bản sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long. Đồng thời, ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung các tài liệu nêu trên theo đúng quy định của Pháp luật.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 99,646%

Điều 10: Thông qua việc chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam làm đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2022.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 99,660%

Điều 11: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tất cả các Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Cổ đông.
- Thành viên HĐQT.
- Ban Tổng Giám Đốc.
- Lưu VP.HĐQT.

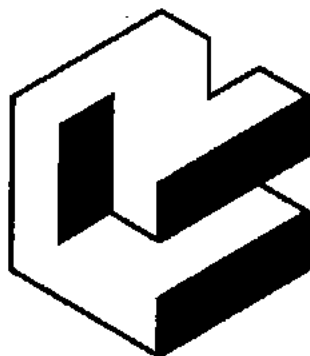
TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN XUÂN QUANG

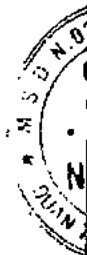
ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM LONG



NAM LONG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2022



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
Chương I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Định nghĩa.....	5
Chương II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	7
Chương III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	9
Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần.....	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	10
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	10
Chương V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	11
Điều 10. Cơ cấu tổ chức và quản trị.....	11
Chương VI. CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG.....	11
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	11
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.....	12
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 16. Thay đổi các quyền.....	17
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 22. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	26
Chương VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	26
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	28
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	31

Điều 29. Chủ tịch, (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị và Thường trực Hội đồng quản trị.....	32
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	34
Chương VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	37
Điều 31. Tổ chức bộ máy điều hành	37
Điều 32. Người điều hành Công ty.....	37
Điều 33. Đề cử, bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Tập đoàn....	38
Điều 34. Người phụ trách quản trị công ty	41
Chương IX. TIỂU BAN KIỂM TOÁN	42
Điều 35. Đề cử thành viên Tiểu ban Kiểm toán	42
Điều 36. Thành phần Tiểu ban Kiểm toán.....	42
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Tiểu ban Kiểm toán.....	42
Điều 38. Cuộc họp của Tiểu ban Kiểm toán.....	43
Điều 39. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Tiểu ban Kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	43
Chương X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	44
Điều 40. Trách nhiệm cần trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và Người điều hành khác.....	44
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	44
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	45
Chương XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	46
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	46
Chương XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	46
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn	46
Chương XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	47
Điều 45. Cổ tức.....	47
Chương XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, CÁC LOẠI QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	48
Điều 46. Tài khoản ngân hàng.....	48
Điều 47. Việc trích lập các quỹ.....	48
Điều 48. Năm tài chính	48
Điều 49. Chế độ kế toán	48
Chương XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	49
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và hàng quý.....	49
Điều 51. Báo cáo thường niên.....	49
Chương XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	49
Điều 52. Kiểm toán	49



Chương XVII. DẤU CỬA DOANH NGHIỆP.....	50
Điều 53. Dấu cửa doanh nghiệp.....	50
Chương XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	50
Điều 54. Chấm dứt hoạt động	50
Điều 55. Thanh lý.....	50
Chương XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	51
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	51
Chương XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	51
Điều 57. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	51
Chương XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	52
Điều 58. Ngày hiệu lực.....	52

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ/ĐHĐCĐ/NLG ngày 23 tháng 04 năm 2022.

Chương I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- a. "Công ty" là Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long, có Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301438936 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2005 và được sửa đổi theo từng thời điểm.
- b. "Tập đoàn" gồm Công ty, các công ty con và công ty thành viên khác. Công ty mẹ, công ty con và mỗi công ty thành viên trong Tập đoàn có quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp độc lập theo quy định của pháp luật.
- c. "Vốn điều lệ" của Công ty là tổng mệnh giá cổ phần mà Công ty đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.
- d. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp Số 59/2020/QH14 được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.
- e. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán Số 54/2019/QH14 được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- f. "Nghị định 155" là Nghị định Số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- g. "Ngày thành lập" là ngày 27 tháng 12 năm 2005, ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu.
- h. "Người quản lý" là thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được Hội đồng quản trị bổ nhiệm bao gồm:
 - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long (đồng thời là Tổng Giám đốc Tập đoàn);
 - Giám đốc điều hành Nam Long Land (*);
 - Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn;
 - Giám đốc Điều hành Đơn vị Kinh doanh Bất động sản Thương mại & Đầu tư Mạo hiểm;
 - Giám đốc Tài chính Tập đoàn;
 - Kế toán Trưởng Tập đoàn;
 - Giám đốc Đầu tư Tập đoàn; và
 - Các chức danh quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

- (*) Nam Long Land gồm các Đơn vị Kinh doanh (Business Unit) sau: Phát triển quỹ đất, Bất động sản khu đô thị & nhà ở và Trung tâm dịch vụ (theo Sơ đồ Tổ chức Tập đoàn được Hội đồng quản trị phê duyệt ngày 29 tháng 01 năm 2021 và được sửa đổi theo từng thời điểm).
- i. "Người điều hành" là Tổng Giám đốc Tập đoàn, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn, Kế toán Trưởng và các vị trí khác trong Công ty thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị phê chuẩn.
 - j. "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Người điều hành.
 - k. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
 - l. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Chứng khoán.
 - m. "Thành viên độc lập Hội đồng quản trị" là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
 - n. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này.
 - o. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - p. "Tiểu ban Kiểm toán" có nghĩa là Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị như được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới 01 (một) hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
 3. Các tiêu đề (chương và điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp hoặc Luật Chứng khoán (bao gồm các văn bản hướng dẫn thi hành), nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh, sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Chương II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long
- Tên tiếng Anh: Nam Long Investment Corporation
- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long
- Tên viết tắt: NLG

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Số 6 Nguyễn Khắc Viện, Phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM
- Điện thoại: (84-28) 54 16 17 18
- Fax: (84-28) 54 17 18 19
- Email: info@namlongvn.com
- Website: www.namlongvn.com

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 54, Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ Ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật duy nhất của Công ty.

2. Người đại diện theo pháp luật có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty;
- b. Đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án;
- c. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;
- d. Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- e. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, Người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

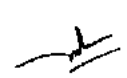
3. Trong phạm vi pháp luật cho phép, Người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể ủy quyền cho 01 (một) hoặc một số người khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

Chương III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- a. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
(Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản 2014)
- b. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.



Chi tiết:

- Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.
- Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...).

- c. Xây dựng nhà không để ở.
- d. Xây dựng nhà để ở.
- e. Xây dựng công trình công ích khác.

Chi tiết: Xây dựng công trình xử lý bùn. Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu.

- f. Xây dựng công trình đường bộ.

Chi tiết: Xây dựng cầu đường.

- g. Xây dựng công trình thủy.

Chi tiết: Xây dựng bến cảng.

- h. Chuẩn bị mặt bằng.

Chi tiết: San lấp mặt bằng

- i. Lắp đặt hệ thống điện.

Chi tiết: Lắp đặt và sửa chữa hệ thống điện dưới 35KV.

- j. Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ đấu giá).

- k. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng.

- l. Hoạt động thiết kế chuyên dụng.

Chi tiết: Trang trí nội thất.

- m. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Chi tiết: Thẩm tra thiết kế. Dịch vụ tư vấn quản lý dự án.

- n. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí.

Chi tiết: Thi công xây dựng hệ thống cấp thoát nước (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản).

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- a. Công ty được thành lập và hoạt động nhằm đem lại lợi nhuận tối ưu cho cổ đông, tạo điều kiện việc làm cho nhân viên (người lao động), đem lại lợi ích cho cộng đồng.
- b. Công ty chú trọng các nghĩa vụ xã hội, thực hiện tốt nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước; tập trung trí tuệ để nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động; đảm bảo uy tín đối với khách hàng và thị trường; gắn lợi ích cổ đông với nỗ lực phát triển lớn mạnh, lâu dài và bền vững của Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo các ngành, nghề quy định tại Điều lệ này đã thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Khi có sự thay đổi ngành nghề kinh doanh, Công ty sẽ thực hiện các thủ tục thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là vốn điều lệ được ghi trên Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 3.829.400.130.000 (Ba nghìn tám trăm hai mươi chín tỷ bốn trăm triệu một trăm ba mươi nghìn) đồng. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 382.940.013 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể tăng, giảm Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ có cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần mà cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định xử lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác.
6. Công ty có thể mua lại cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại có thể được bán ra ngay sau khi mua lại hoặc hủy (giảm vốn điều lệ) theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng nhận cổ phiếu chỉ đại diện cho 01 (một) loại cổ phần.
3. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác, cổ đông có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới. Cổ đông phải gửi đề nghị cấp lại chứng nhận cổ phiếu cho Công ty với các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về chứng nhận cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; và
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại chứng nhận cổ phiếu mới.
4. Công ty không phát hành chứng nhận cổ phiếu vô danh.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty sẽ được phát hành có dấu của Công ty và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan như quyền hưởng cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
3. Trong trường hợp một cổ đông chết, người (hoặc những người) thừa kế của người chết sẽ trở thành cổ đông của Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty, nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết khỏi bất kỳ trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa



kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

Chương V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức và quản trị

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị, Tiểu ban Kiểm toán;
3. Tổng Giám đốc Tập đoàn.

Chương VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham gia và phát biểu tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ này hoặc pháp luật quy định. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Nhận cổ tức theo tỷ lệ được Đại hội đồng cổ đông quyết định;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu, trích lục, sao chụp thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các chi phí giải thể hoặc phá sản, các khoản nợ và thanh toán cho các cổ đông loại khác được ưu tiên thanh toán theo quy định của pháp luật và điều khoản của các cổ phần ưu đãi (nếu có);
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;



- i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình;
 - l. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; trong trường hợp này, việc kiểm tra do Tiểu ban Kiểm toán trực tiếp thực hiện và báo cáo;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e. Yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần nội dung nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - f. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và pháp luật.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 09% (chín phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử và đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Thanh toán đủ và đúng thời hạn tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
3. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
4. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
5. Cung cấp địa chỉ liên lạc chính xác khi đăng ký mua cổ phần và thông báo kịp thời với Công ty khi thay đổi địa chỉ này. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
8. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty, của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Hội đồng quản trị có thể quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu mà luật pháp quy định hoặc ít hơn 1/2 (một nửa) số thành viên so với số lượng thành viên được Đại hội đồng cổ đông bầu vào đầu nhiệm kỳ Hội đồng quản trị đó;
 - c. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan), và các nội dung khác theo quy định tại khoản 4 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b, b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như nêu trên, thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Trong trường hợp này, nếu xét thấy cần thiết, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan khác theo quy định của pháp luật có thẩm quyền giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; lập chương trình và nội dung cuộc họp; chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp; dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị; xác định thời gian và địa điểm họp; gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp và các công việc khác phục vụ cuộc họp.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Tiểu ban Kiểm toán về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và các nội dung khác theo Điều 284 Nghị định 155;
- e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển Công ty;
- b. Quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị;
- c. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán;
- d. Thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị cho từng nhiệm kỳ;

- e. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - f. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;
 - g. Quyết định ngân sách hoạt động hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị;
 - h. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - i. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - j. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - k. Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
 - l. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - m. Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty, giao dịch mua và các giao dịch khác (trừ hợp đồng, giao dịch vay, cho vay) có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất;
 - n. Thông qua việc công ty mua lại hơn 10% (mười phần trăm) một loại cổ phần phát hành. Công ty có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định tại Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - o. Thông qua việc Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất;
 - p. Thông qua hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của cổ đông đó;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Các nội dung đã được thông qua tại các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.



Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho 01 (một) hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức theo khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Người đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và tuân thủ quy định pháp luật dân sự, phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.
3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông tham dự và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) tham dự họp đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm

giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó tham dự có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17 và Điều 19 của Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 của Điều lệ này.
2. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Việc lập danh sách đối với các cổ đông đã lưu ký có thể được thực hiện thông qua Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC). Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Thông báo và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - e. Chuẩn bị chương trình, nội dung và tài liệu cho Đại hội;
 - f. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - g. Các công việc khác phục vụ Đại hội đồng cổ đông.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết và trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp ít nhất 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu

quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và/hoặc đăng trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử (website), cách thức tải tài liệu để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định người đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được quyền từ chối kiến nghị trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% (năm phần trăm) cổ phần phổ thông;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu

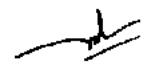


tập lại chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không được tiến hành do không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được xem là hợp lệ và được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp; đồng thời, đại hội có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
2. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - b. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
3. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số;
 - b. Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;



- c. Chủ tọa cử 01 (một) hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu 01 (một) hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
4. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
 5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
 6. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 7. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội (ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết) tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết; hoặc
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự hoặc có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc chưa được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.
 8. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
 9. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.



Chủ tọa đại hội có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức khác.

10. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Trường Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp hoặc thời điểm khác theo Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.
11. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 6 Điều 12 Điều lệ này.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua tất cả các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần của các cổ đông có quyền biểu quyết tham dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều này và khoản 1 Điều 16 Điều lệ này:
 - a. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - e. Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty, giao dịch mua và các giao dịch khác (trừ hợp đồng, giao dịch vay, cho vay) có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất;
 - f. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị.
3. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, 4, 5 Điều này và khoản 1 Điều 16 Điều lệ này.
4. Theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số cổ phần biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho 01 (một) hoặc một số ứng cử viên.

5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

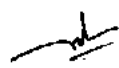
Đại hội đồng cổ đông có thể thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản theo hình thức Công ty trực tiếp thực hiện và/hoặc sử dụng dịch vụ bỏ phiếu điện tử của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC").

Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức sử dụng dịch vụ bỏ phiếu điện tử của VSDC sẽ được thực hiện theo quy định của VSDC.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông do Công ty trực tiếp thực hiện được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ này và theo pháp luật bất kỳ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với cổ đông là tổ chức, hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số cổ phần biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:
- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số cổ phần biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử (website) của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.



8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số cổ phần biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và thư ký. Trường hợp Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
5. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.



Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 20 Điều lệ này;
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trong trường hợp này, nghị quyết vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 (sáu mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Chương VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

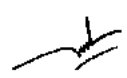
Công ty sẽ công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 09% (chín phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này; Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và khoản 1 và 2 Điều 6 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Tập đoàn.
6. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 (năm) công ty khác.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 (năm) người và nhiều nhất là 09 (chín) người.
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

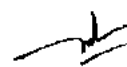
Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên độc lập và Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành trong Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
4. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số cổ phần biểu quyết của từng người lại với nhau để ứng cử, đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 09% (chín phần trăm) đến 12% (mười hai phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết được ứng cử, đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 12% (mười hai phần trăm) đến 18% (mười tám phần trăm) được ứng cử, đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;



- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 18% (mười tám phần trăm) đến 24% (hai mươi tư phần trăm) được ứng cử, đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 24% (hai mươi tư phần trăm) đến 30% (ba mươi phần trăm) được ứng cử, đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 30% (ba mươi phần trăm) đến 36% (ba mươi sáu phần trăm) được ứng cử, đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 36% (ba mươi sáu phần trăm) đến 42% (bốn mươi hai phần trăm) được ứng cử, đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 42% (bốn mươi hai phần trăm) đến 48% (bốn mươi tám phần trăm) được ứng cử, đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 48% (bốn mươi tám phần trăm) đến 54% (năm mươi tư phần trăm) được ứng cử, đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 54% (năm mươi tư phần trăm) được ứng cử, đề cử tối đa 09 (chín) ứng cử viên.
5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định để làm thành viên độc lập theo pháp luật và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.
 6. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Điều 9 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
 7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
 8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

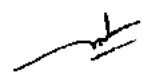
1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;



- b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Cung cấp kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các thông tin được yêu cầu theo quy định pháp luật;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những Người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

- 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn - trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty, giao dịch mua và các giao dịch khác (trừ hợp đồng, giao dịch vay, cho vay) có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị (theo ủy quyền của Hội đồng quản



trị) và các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo điểm p khoản 2 Điều 14 và khoản 6 Điều 41 Điều lệ này;

- i. Thông qua hợp đồng vay, cho vay của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo điểm p khoản 2 Điều 14 và khoản 6 Điều 41 Điều lệ này;
- j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc Tập đoàn và Người điều hành khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những Người điều hành đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc Tập đoàn và Người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l. Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán, Quy chế công bố thông tin của Công ty;
- r. Quyết định cơ cấu tổ chức, các quy định nội bộ khác của Công ty ngoài các Quy chế được nêu tại điểm q trên đây;
- s. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định nội bộ khác của Công ty;
- t. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;
- u. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;

- v. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và Người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
 - w. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty;
 - x. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và Người điều hành khác của Công ty;
 - y. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155;
 - z. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với các quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao công việc và thưởng. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Khoản thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị sẽ do Tiểu ban Nhân sự phân bổ và được Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành, Chủ tịch và (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng

một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các Tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ này.

Điều 29. Chủ tịch, (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị và Thường trực Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra 01 (một) Chủ tịch, và có thể bầu ra 01 (một) hoặc nhiều Phó Chủ tịch. Hội đồng quản trị cũng có quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh này.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Các quyền theo ủy quyền của Hội đồng quản trị được quy định tại các quy chế, quy định nội bộ của Công ty;
 - g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ này.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức và được chấp thuận, hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày đơn từ chức được chấp thuận hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc thuộc các trường hợp khác theo quy định tại khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp, thì các thành viên còn lại bầu 01 (một) người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và không vi phạm điều cấm của pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền theo vụ việc hoặc ủy quyền thường xuyên hoặc phân cấp cho (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị ký các văn bản, tài liệu thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị và thực hiện một số các quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. (Các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc thực hiện các công việc được ủy quyền.
6. Các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị và Thường trực Hội đồng quản trị: Để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị thành lập:
- Các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị bao gồm: Tiểu ban Đầu tư, Tiểu ban Kiểm toán, Tiểu ban Nhân sự và Tiểu ban Quan hệ Cổ đông. Hội đồng quản trị có thể thành lập các Tiểu ban đặc biệt khác sau khi có nghị quyết chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Tiểu ban có thể gồm 01 (một) hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và 01 (một) hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị.
 - Vai trò, trách nhiệm, nhiệm vụ và thẩm quyền của các Tiểu ban và thành viên Tiểu ban sẽ tuân thủ theo quy chế hoạt động của từng Tiểu ban được Hội đồng quản trị phê duyệt tại từng thời điểm hoặc theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị; đồng thời, các Tiểu ban có nhiệm vụ thẩm định các nội dung, đề xuất thuộc chức năng của mình hoặc theo phân công của Hội đồng quản trị, và báo cáo kết quả thẩm định cho Hội đồng quản trị bằng văn bản hoặc trong các cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - Trong quá trình thực hiện vai trò, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được Hội đồng quản trị phân công hoặc ủy quyền, các Tiểu ban phải tuân thủ theo các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra và theo quy chế của từng Tiểu ban. Các quy định và quy chế này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các Tiểu ban nêu trên (không bao gồm các Cố vấn mà không phải là thành viên Tiểu ban) và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của Tiểu ban nhưng:
 - phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn 1/2 (một nửa) tổng số thành viên của Tiểu ban; và
 - quyết định của các Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có hơn 1/2 (một nửa) số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại phiên họp của Tiểu ban. Trong trường hợp tỷ lệ biểu quyết tán thành và không tán thành ngang bằng nhau, thì sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.Riêng vai trò, trách nhiệm, nhiệm vụ và thẩm quyền của Tiểu ban Kiểm toán được quy định tại Chương IX Điều lệ này, Điều 14 Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán.
 - Thường trực Hội đồng quản trị: bao gồm Chủ tịch, (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị khác được Hội đồng quản trị thông qua, hoặc theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chi tiết về phạm vi và nguyên tắc làm việc, phân công công việc, quyền hạn và nghĩa vụ của các thành viên Thường trực Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị ban hành và Đại hội đồng cổ đông thông qua và tại bảng Phân công công

việc giữa các thành viên Thường trực Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị ban hành theo từng thời điểm.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường để thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc có thể thông qua quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Họp định kỳ hàng quý theo lịch họp/kế hoạch công việc hàng năm được Hội đồng quản trị phê duyệt;
 - b. Họp bất thường khi có đề nghị của:
 - (i) Tổng Giám đốc Tập đoàn hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác; hoặc
 - (ii) Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị; hoặc
 - (iii) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
4. Đề nghị quy định tại điểm b khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm b khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Thông báo và chương trình họp: Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 05 (năm) ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải có đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị tham dự. Trường hợp không đủ số thành viên tham dự theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn

07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một nửa) số thành viên Hội đồng quản trị tham dự.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến tham dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 10 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác; hoặc
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người tham dự họp.
10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị tham dự (trên 50% (năm mươi phần trăm)). Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực như quyết định được thông qua tại cuộc họp trực tiếp.
13. Cổ vấn: Hội đồng quản trị có quyền mời một/một số cổ vấn ("Cổ vấn") trong cuộc họp Hội đồng quản trị. Cổ vấn có quyền phát biểu nhưng không có quyền biểu quyết trong cuộc họp. Việc vắng mặt của Cổ vấn (nếu được mời) không ảnh hưởng đến việc triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị.

Cổ vấn có trách nhiệm bảo mật và không được sử dụng thông tin trong cuộc họp Hội đồng quản trị mà chưa được phép công bố để thực hiện các giao dịch có liên quan.

14. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản:
- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.
 - b. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu cần thiết có liên quan tới nội dung xin ý kiến phải được gửi bằng thư điện tử hoặc bằng phương thức đảm bảo đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị.
 - c. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - (ii) Mục đích lấy ý kiến;
 - (iii) Họ, tên của thành viên Hội đồng quản trị;
 - (iv) Vấn đề cần lấy ý kiến;
 - (v) Phương án biểu quyết, bao gồm: duyệt, không duyệt và không có ý kiến;
 - (vi) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty;
 - (vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - d. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về Công ty theo quy định của Công ty.
 - e. Thư ký Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính;
 - (ii) Mục đích lấy ý kiến và các vấn đề cần lấy ý kiến;
 - (iii) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết;
 - (iv) Tổng số phiếu duyệt, không duyệt và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
 - (v) Những vấn đề đã được thông qua;
 - (vi) Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát;
 - f. Thư ký Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu, liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác (nếu có).
 - g. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
 - h. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 - i. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị được triệu tập và tổ chức hợp lệ.



15. Ngôn ngữ: Các thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể mang theo phiên dịch cho bản thân mình khi tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị.
16. Nghị quyết Hội đồng quản trị: được lập bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh (trong trường hợp có sự khác biệt giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản tiếng Việt sẽ là cơ sở tham chiếu), đồng thời phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
17. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh (trong trường hợp có sự khác biệt giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản tiếng Việt sẽ là cơ sở tham chiếu). Biên bản phải có các nội dung như quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ các nội dung khác theo quy định thì biên bản này có hiệu lực. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
18. Giá trị pháp lý của hành động: Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 31. Tổ chức bộ máy điều hành

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy điều hành sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có 01 (một) Tổng Giám đốc Tập đoàn và những Người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm như quy định tại điểm i khoản 1 Điều 1 của Điều lệ này.

Điều 32. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm những người được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 1 của Điều lệ này.
2. Theo đề nghị của Tiểu ban Nhân sự và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và chức danh Người điều hành cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị quy định tùy từng thời điểm. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm đối với các hoạt động và tổ chức của Công ty nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.
3. Tổng Giám đốc Tập đoàn sẽ đề xuất việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm nhân sự đảm nhiệm các chức danh Người điều hành (trừ chức danh Tổng Giám đốc Tập đoàn) để Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm.



4. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc Tập đoàn sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham vấn ý kiến và đề xuất của Tiểu ban Nhân sự; và hợp đồng với những Người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc Tập đoàn.
5. Tiền lương của Người điều hành được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 33. Đề cử, bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Tập đoàn

1. **Đề cử, bổ nhiệm:** Ứng cử viên cho vị trí Tổng Giám đốc Tập đoàn sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị đề cử để Tiểu ban Nhân sự của Hội đồng quản trị thẩm định trước khi trình Hội đồng quản trị phê duyệt. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc Tập đoàn sẽ do Hội đồng quản trị quyết định. Hội đồng quản trị sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng Tổng Giám đốc Tập đoàn. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc Tập đoàn phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. **Nhiệm kỳ:** Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc Tập đoàn là 03 (ba) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
3. **Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc Tập đoàn:** áp dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp. Tổng Giám đốc Tập đoàn không được đồng thời làm giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.
4. **Vai trò, trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc Tập đoàn:**
 - a. **Vai trò:** Tổng Giám đốc Tập đoàn là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
 - b. **Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ:** Tổng Giám đốc Tập đoàn có những trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - (i) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
 - (ii) Trong phạm vi thực hiện các nghị quyết và kế hoạch nêu trên, Tổng Giám đốc Tập đoàn được quyền quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của mình, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại theo bảng phân cấp thẩm quyền do Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

- (iii) Trong phạm vi tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn là người chịu trách nhiệm toàn phần và là người có quyền quyết định cao nhất về hoạt động điều hành hàng ngày của Công ty;
- (iv) Thực thi hiệu quả kế hoạch đầu tư và kế hoạch kinh doanh hàng năm, 03 (ba) năm, 10 (mười) năm của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- (v) Chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc Tập đoàn phải trình Hội đồng quản trị thông qua kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách cũng như kế hoạch kinh doanh 03 (ba) năm đã được phê duyệt;
- (vi) Chuẩn bị các bảng dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bảng dự toán hàng năm (bao gồm báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- (vii) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- (viii) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- (ix) Điều hành và quản lý Công ty phù hợp theo Sơ đồ Tổ chức Tập đoàn hiện hành;
- (x) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị khi cần thiết để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- (xi) Tuyển dụng lao động theo kế hoạch định biên nhân sự được Hội đồng quản trị phê duyệt;
- (xii) Đề xuất việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm và các quyền lợi, trách nhiệm của nhân sự đảm nhiệm các chức danh Người điều hành (trừ chức danh Tổng Giám đốc Tập đoàn) để Hội đồng quản trị quyết định theo khoản 3 và 4 Điều 32 Điều lệ này;
- (xiii) Bổ nhiệm Giám đốc điều hành Đơn vị Kinh doanh/Giám đốc các Khối chức năng (ngoại trừ Giám đốc Tài chính Tập đoàn, Giám đốc Đầu tư Tập đoàn, Giám đốc Nhân sự Tập đoàn và những Người điều hành khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị). Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm thông báo trước cho Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm Giám đốc điều hành Đơn vị Kinh doanh/Giám đốc các Khối chức năng vừa nêu;
- (xiv) Chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa cho các vị trí quan trọng, chủ chốt của Công ty và cập nhật định kỳ hàng năm cho Tiểu ban Nhân sự;
- (xv) Thực hiện chức năng kiểm soát đầu tư tại các công ty thành viên thuộc Tập đoàn phù hợp theo "Mô hình kiểm soát đầu tư" được phê duyệt từng thời điểm;
- (xvi) Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;



- (xvii) Tổng Giám đốc Tập đoàn muốn từ chức phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Đơn xin từ chức phải được gửi ít nhất là 60 (sáu mươi) ngày trước ngày dự kiến từ chức. Trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị họp xem xét và quyết định. Trong trường hợp Hội đồng quản trị đồng ý việc từ chức của Tổng Giám đốc Tập đoàn, Hội đồng quản trị phải cử ngay một người khác đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc Tập đoàn. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày miễn nhiệm Tổng Giám đốc Tập đoàn, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm Tổng Giám đốc Tập đoàn mới theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- (xviii) Tổng Giám đốc Tập đoàn có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ hoặc một vụ việc thuộc phạm vi điều chỉnh của chính sách quản lý khủng hoảng... nhưng phải báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời gian sớm nhất có thể và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về các quyết định đó;
- (xix) Tổng Giám đốc Tập đoàn có quyền bảo lưu ý kiến phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị, tuy nhiên vẫn phải thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị và sẽ được miễn trừ trách nhiệm trong trường hợp thực hiện quyết định làm thiệt hại cho Công ty;
- (xx) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, bảng mô tả công việc và hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc Tập đoàn.
5. Tổng Giám đốc Tập đoàn phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế của Công ty, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động đã ký với Công ty và các bằng phân cấp thẩm quyền giữa Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn do Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt tại từng thời điểm. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc Tập đoàn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.
6. Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền ra quyết định bằng văn bản để đình chỉ, hủy bỏ các quyết định của Tổng Giám đốc Tập đoàn nếu có cơ sở cho rằng quyết định đó vi phạm pháp luật, Điều lệ này, các quy chế của Công ty, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động đã ký với Công ty, các bằng phân cấp thẩm quyền giữa Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn do Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt tại từng thời điểm, hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của Công ty và của cổ đông.
7. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này theo định kỳ và khi được yêu cầu.

8. Miễn nhiệm/ Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Tổng Giám đốc Tập đoàn khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc Tập đoàn) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc Tập đoàn mới thay thế. Các quy định cụ thể về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc Tập đoàn được thực hiện theo Điều 20 Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 34. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị của Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Các tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty được quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 17 Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
3. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty bao gồm:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - e. Tham dự các cuộc họp, lập biên bản họp;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định nội bộ khác của Công ty.

Chương IX. TIỂU BAN KIỂM TOÁN

Điều 35. Đề cử thành viên Tiểu ban Kiểm toán

1. Trưởng Tiểu ban Kiểm toán và các thành viên khác của Tiểu ban Kiểm toán do Tiểu ban Nhân sự đề cử và không phải là Người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Trưởng Tiểu ban Kiểm toán và các thành viên khác trong Tiểu ban Kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 36. Thành phần Tiểu ban Kiểm toán

1. Tiểu ban Kiểm toán có từ 03 (ba) thành viên trở lên. Trưởng Tiểu ban Kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Tiểu ban Kiểm toán phải là các Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Thành viên Tiểu ban Kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.
3. Trưởng Tiểu ban Kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.
4. Thành viên của Tiểu ban Kiểm toán phải đáp ứng 01 (một) trong các yêu cầu sau:
 - a. Có ít nhất 10 (mười) năm kinh nghiệm liên quan đến hoạt động của Tập đoàn;
 - b. Ít nhất 01 (một) thành viên của Tiểu ban Kiểm toán phải có kỹ năng phân tích và hiểu biết tốt về tài chính, kế toán kiểm toán;
 - c. Có kỹ năng về quản lý tập đoàn và chuyên ngành bất động sản;
 - d. Có khả năng làm việc theo nhóm;
 - e. Đủ thời gian dành cho các hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Tiểu ban Kiểm toán

Tiểu ban Kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, Quy chế hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán; và các quyền, nghĩa vụ khác sau đây:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng Giám đốc Tập đoàn, Kế toán trưởng và Người quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán.
2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan đến báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Tiểu ban Kiểm toán.
3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.



4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và Người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 38. Cuộc họp của Tiểu ban Kiểm toán

1. Tiểu ban Kiểm toán phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Tiểu ban Kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Tiểu ban Kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Tiểu ban Kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Tiểu ban Kiểm toán có 01 (một) phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động Tiểu ban Kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Tiểu ban Kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp hoặc cho ý kiến bằng văn bản tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Tiểu ban Kiểm toán.

Điều 39. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Tiểu ban Kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Tiểu ban Kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Tiểu ban Kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Tiểu ban Kiểm toán và từng thành viên Tiểu ban Kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Tiểu ban Kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Tiểu ban Kiểm toán;
 - c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
 - d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn, Người điều hành khác của Công ty và những Người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn, Người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Kết quả đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;

- f. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và Người điều hành khác của Công ty;
- g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Tiểu ban Kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và các cổ đông;
- h. Các nội dung khác theo pháp luật, Điều lệ này và Quy chế hoạt động Tiểu ban Kiểm toán.

Chương X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 40. Trách nhiệm căn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và Người điều hành khác

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và Người điều hành khác của Công ty có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ căn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và Người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn, Người điều hành khác và những người liên quan của các thành viên này chỉ được phép sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và Người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những Người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hay Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc Người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn, Người điều hành khác và những Người có liên quan của họ không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn, Người điều hành khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan tới các đối tượng nêu trên khi chưa được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Trường hợp Công ty cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn, Người điều hành khác mà Công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng Tập đoàn thì sẽ do:

- a. Đại hội đồng cổ đông thông qua nếu giao dịch có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty, hoặc
- b. Hội đồng quản trị thông qua nếu giao dịch có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty.

7. Giao dịch giữa Công ty với 01 (một) hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn, Người điều hành khác, hoặc những cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ sẽ không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

- a. Đối với giao dịch có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn hoặc Người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã thông qua việc thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; hoặc
- b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hoặc bằng 35% (ba mươi lăm phần trăm), hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn hoặc Người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. **Trách nhiệm về thiệt hại:** Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và Người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. **Bồi thường:** Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn, Người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty (hay công ty con của Công ty), hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.



3. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế với mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện theo ủy quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.
4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và Người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
5. Công ty sẽ phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính của Công ty hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

Chương XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc Tập đoàn phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng, kỷ luật đối với Người quản lý (thuộc thẩm quyền phê chuẩn của Hội đồng quản trị) và chính sách

đối với người lao động (phù hợp với ngân sách hoạt động và kế hoạch nhân sự như được nêu dưới đây).

2. Cụ thể, hàng năm, Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập ngân sách hoạt động (ngân sách quản lý doanh nghiệp) và kế hoạch nhân sự trình Hội đồng quản trị phê duyệt. Căn cứ vào ngân sách hoạt động và kế hoạch nhân sự đã được phê duyệt, sau khi kết thúc năm tài chính, Tổng giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng quản trị thông qua vào kỳ họp gần nhất.
3. Theo đề xuất của Tổng Giám đốc Tập đoàn, Hội đồng quản trị sẽ thông qua các vấn đề liên quan đến mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Cổ tức

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nhưng phải đảm bảo việc chi trả cổ tức tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật liên quan.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể hoặc bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư

cách cổ đông được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, CÁC LOẠI QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Việc trích lập các quỹ

Hàng năm, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh, Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc trích lập các loại quỹ sau từ lợi nhuận sau thuế của Công ty:

1. Quỹ phúc lợi: được trích lập không quá 2% (hai phần trăm) lợi nhuận sau thuế.
2. Quỹ khen thưởng: được trích lập không quá 5% (năm phần trăm) lợi nhuận sau thuế nếu Công ty đạt tối thiểu 75% (bảy mươi lăm phần trăm) kế hoạch kinh doanh hàng năm được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc thực hiện thưởng sẽ bằng cổ phiếu hoặc tiền mặt tuân theo các chính sách do Hội đồng quản trị và/hoặc Đại hội đồng cổ đông ban hành trong từng thời kỳ.
3. Các quỹ khác: được trích lập dựa trên tình hình hoạt động của Công ty theo từng thời kỳ, do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn

vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Chương XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 52 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn 01 (một) trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán đối với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4. 01 (một) bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Chương XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.
2. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu và/hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn, Người đại diện theo pháp luật của Công ty sẽ sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

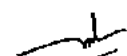
Chương XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 54. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - e. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 55. Thanh lý

1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty. Việc thanh lý sẽ được tiến hành theo đúng pháp luật, dưới sự giám sát của các cơ quan có thẩm quyền.



2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký doanh nghiệp về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án hoặc Trung tâm Trọng tài và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương, trợ cấp, chi phí bảo hiểm và các quyền lợi khác theo quy định cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản từ điểm a đến d trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông, trong đó ưu tiên cho các cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi có điều khoản về ưu tiên thanh toán.

Chương XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp hay pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty; hoặc
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn hay Người điều hành khác của Công ty,

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trung tâm Hòa giải Việt Nam (VMC), hoặc 01 (một) trong các Trung tâm Trọng tài, hoặc Tòa án (trong trường hợp pháp luật quy định Tòa án là đơn vị duy nhất có thẩm quyền xử lý) để hòa giải hoặc giải quyết tranh chấp.

2. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Chi phí trọng tài sẽ do Trung tâm Trọng tài phán quyết bên nào phải chịu.

Chương XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

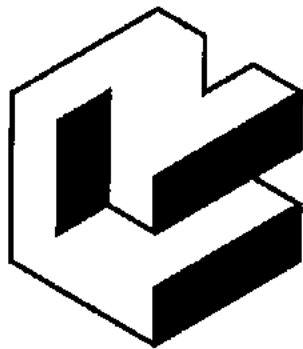
1. Bản Điều lệ này gồm 21 (hai mươi một) chương, 58 (năm mươi tám) điều, đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2022.
2. Điều lệ được lập thành 05 (năm) bản tiếng Anh và 05 (năm) bản tiếng Việt, có giá trị như nhau, và được lưu trữ tại trụ sở Công ty. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được người đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN XUÂN QUANG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM LONG



NAM LONG

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ
QUẢN TRỊ CÔNG TY**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2022



MỤC LỤC

Chương I.	PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG	3
Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2.	Giải thích thuật ngữ	3
Chương II.	ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	4
Điều 3.	Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 4.	Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 5.	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 6.	Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến	8
Điều 7.	Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến	9
Điều 8.	Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn	11
Chương III.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 9.	Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	11
Điều 10.	Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	11
Điều 11.	Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	12
Điều 12.	Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	12
Điều 13.	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	13
Điều 14.	Tiểu ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị	13
Điều 15.	Các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị	13
Điều 16.	Thường trực Hội đồng quản trị	14
Điều 17.	Người phụ trách quản trị công ty	14
Điều 18.	Văn phòng Hội đồng quản trị	15
Chương IV.	TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN	15
Điều 19.	Vai trò, trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc Tập đoàn	15
Điều 20.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc Tập đoàn	15
Chương V.	CÁC HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ QUAN TRỌNG KHÁC	16
Điều 21.	Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn/Ban Tổng Giám đốc	16
Điều 22.	Quy định về đánh giá hàng năm, các hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và những Người điều hành khác	16
Chương VI.	NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY	17

Điều 23. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và những Người điều hành khác.....	17
Điều 24. Giao dịch với Người có liên quan.....	17
Điều 25. Giao dịch với cổ đông, Người quản lý của Công ty và Người có liên quan của các đối tượng này.....	18
Điều 26. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty.....	18
Chương VII. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	18
Điều 27. Nghĩa vụ công bố thông tin.....	18
Điều 28. Báo cáo và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Công ty.....	18
Điều 29. Báo cáo và công bố thông tin về quản trị Công ty.....	19
Điều 30. Công bố thông tin về thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn..	19
Điều 31. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn.....	19
Điều 32. Tổ chức công bố thông tin.....	19
Chương VIII. ĐIỀU KHOẢN THÍ HÀNH.....	19
Điều 33. Sửa đổi, bổ sung Quy chế.....	19
Điều 34. Hiệu lực của Quy chế.....	20

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM LONG

Căn cứ Luật Chứng khoán Số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 ("**Luật Chứng khoán**");

Căn cứ Luật Doanh nghiệp Số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 ("**Luật Doanh nghiệp**");

Căn cứ Nghị định Số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư Số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Số 01/2022/NQ/ĐHĐCĐ/NLG ngày 23 tháng 04 năm 2022 ("**Điều lệ Công ty**");

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Số 01/2022/NQ/ĐHĐCĐ/NLG ngày 23 tháng 04 năm 2022;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long, bao gồm các nội dung sau:

Chương I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, những người quản lý khác và nhân viên của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long.

Quy chế này được trình bày trên nguyên tắc quy định nào đã được nêu tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và/hoặc quy định pháp luật hiện hành thì không trình bày lặp lại trong Quy chế này và áp dụng theo Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và/hoặc quy định pháp luật hiện hành. Một số điều khoản được nêu tại Điều lệ Công ty được quy định chi tiết hơn trong Quy chế này thì áp dụng theo quy định chi tiết tại Quy chế này.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Trường hợp có quy định khác trong Quy chế này, các thuật ngữ sử dụng trong Quy chế này có cùng nghĩa với các thuật ngữ sử dụng trong Điều lệ Công ty
2. Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Quản trị công ty" là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
 - Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
 - Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
 - Hội đồng quản trị lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.
- b. "Ban Tổng Giám đốc" gồm Người điều hành, Giám đốc điều hành các Đơn vị Kinh doanh và Giám đốc các Khối chức năng.
- c. "Điều lệ Công ty" là Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long.
3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới 01 (một) hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Chương II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty
2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 14 Điều lệ Công ty.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 Điều lệ Công ty.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

- a. Việc lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Điều lệ Công ty.
- b. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Thông báo về việc chốt Danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Thông báo về việc chốt Danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều 17 Điều lệ Công ty.

4. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty.

5. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

- a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội và các công việc khác theo quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty.
- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4, 5 và 6 Điều 17 Điều lệ Công ty.

6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty.

7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

- a. Ngoài hình thức đăng ký trực tiếp, cổ đông, người đại diện theo ủy quyền có thể đăng ký tham dự qua gửi thư điện tử, nhưng vẫn phải mang theo và xuất trình thông báo mời họp, giấy tờ tùy thân, giấy ủy quyền và các giấy tờ liên quan cần thiết với Ban tổ chức Đại hội để kiểm tra, đối chiếu và đăng ký tại nơi tổ chức Đại hội.
- b. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

8. Điều kiện tiến hành

Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo các điều kiện được quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.

9. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.

10. Cách thức bỏ phiếu

- a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó. Nội dung của phiếu biểu quyết tùy thuộc vào nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- b. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
- c. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

- d. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền thực hiện biểu quyết trên thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu và theo Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội.
- e. Khi thực hiện biểu quyết xong, cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bỏ phiếu biểu quyết vào thùng phiếu được niêm phong để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu.
- f. Công ty sẽ nỗ lực ghi nhận các ý kiến phát biểu, biểu quyết của cổ đông thông qua phương tiện điện tử và/hoặc biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp. Các cổ đông có nhu cầu biểu quyết bằng hình thức từ xa sẽ được cấp phiếu biểu quyết điện tử khi tiến hành đăng ký biểu quyết từ xa. Phiếu biểu quyết điện tử có giá trị tương đương với phiếu biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp. Trong trường hợp này, cổ đông phải gửi phiếu biểu quyết điện tử đến Ban tổ chức Đại hội trước giờ biểu quyết.
- g. Trong trường hợp cần thiết, các nội dung khác sẽ được đề cập cụ thể trong Quy chế họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Công ty quyết định áp dụng hình thức hội nghị trực tuyến.

11. Cách thức kiểm phiếu

- a. Đại hội đồng cổ đông bầu 01 (một) hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Ban tổ chức sẽ chuẩn bị bộ phận giúp việc. Ban kiểm phiếu có thể quyết định bộ phận giúp việc cho mình.
- b. Đối với trường hợp bỏ phiếu từ xa thì việc kiểm tra các phiếu biểu quyết điện tử này sẽ bao gồm việc kiểm tra tình trạng niêm phong, tính đầy đủ của hồ sơ gửi kèm và được kiểm tra, tổng hợp cùng với các phiếu biểu quyết được phát trực tiếp tại Đại hội.
- c. Các tình trạng "tán thành", "không tán thành", "không có ý kiến" sẽ được tổng hợp riêng (trong đó các phiếu biểu quyết trắng/không hợp lệ sẽ được cộng vào nhóm "không có ý kiến"). Tổng kết quả của từng tình trạng sẽ được chia cho tổng số cổ phần biểu quyết được phát ra tại khâu đăng ký để xác định tỷ lệ phần trăm của từng tình trạng.
- d. Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị:
 - (i) Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
 - (ii) Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
 - (iii) Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
 - (iv) Kết quả kiểm phiếu phải được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội;
 - (v) Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi có đủ số thành viên. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí trong Thẻ lệ biểu quyết và bầu cử tại Đại hội hoặc Điều lệ Công ty.

- e. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sử dụng các phần mềm điện tử, tự động có áp dụng mã vạch, mã QR và/hoặc các công nghệ nhận dạng khác để thực hiện kiểm phiếu nhằm đảm bảo tính chính xác, rút ngắn thời gian của việc kiểm phiếu và tránh sai sót, đồng thời người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chịu trách nhiệm về việc sử dụng các thiết bị, công cụ, phần mềm này.
- f. Ban kiểm phiếu sẽ có nhân sự giám sát quá trình và kết quả kiểm phiếu. Tất cả thành viên Ban kiểm phiếu sẽ ký xác nhận kết quả.

12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

Điều kiện để nghị quyết được thông qua thực hiện theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.

13. Thông báo kết quả kiểm phiếu

- a. Kết quả kiểm phiếu được Trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp hoặc thời điểm khác theo Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.
- b. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

14. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

- a. Trong trường hợp cổ đông phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì cổ đông đó phải thực hiện việc phản đối này bằng hình thức văn bản, trong đó ghi rõ họ tên, mã số cổ đông và nội dung, lý do của việc phản đối;
- b. Văn bản đó sẽ được chuyển đến Thư ký Đại hội để ghi nhận;
- c. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ họ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại điểm này.

15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 22 Điều lệ Công ty.

Điều 5. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền và thể thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo Điều 21 Điều lệ Công ty sau khi có Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc áp dụng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản: không có.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

Bên cạnh hình thức tổ chức họp trực tiếp, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có thể được tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến (e-GMS) trong trường hợp xảy ra (i) các sự kiện bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh, nổi dậy, bạo động, khủng bố, các quyết định hạn chế hoặc cấm đoán của Nhà nước và/hoặc (ii) các sự kiện khách quan khác mà Hội đồng quản trị xét thấy không thuận tiện và/hoặc không phù hợp để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức họp trực tiếp.

Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ bao gồm các nội dung chính như dưới đây (tuy nhiên, trong trường hợp xét thấy cần thiết, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể ban hành thêm Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để hướng dẫn chi tiết các vấn đề liên quan đến việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến).

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

- a. Cách thức thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện như cách thức thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty. Tuy nhiên, trong trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có nghĩa vụ chuẩn bị thêm tài liệu hướng dẫn cho các cổ đông đăng ký và tham dự họp trực tuyến.
- b. Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến phải được nêu rõ trong Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cổ đông sẽ thực hiện đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo tài liệu hướng dẫn của Ban tổ chức đại hội đã được gửi cho cổ đông hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cổ đông có thể ủy quyền cho người đại diện theo ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông theo tài liệu hướng dẫn của Ban tổ chức đại hội đã được gửi cho cổ đông hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.

4. Điều kiện tiến hành

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi có số cổ đông đăng ký tham dự họp và truy cập vào phòng họp trực tuyến đáp ứng tỷ lệ tối thiểu như được quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.

5. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác theo Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

6. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

- a. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền thực hiện bỏ phiếu bằng cách lựa chọn 01 (một) trong các phương án tán thành/không tán thành/không có ý kiến về các vấn đề cần thông qua tại Đại hội.

b. Chi tiết phương thức và cách thức bỏ phiếu sẽ được Công ty hướng dẫn cụ thể trong tài liệu hướng dẫn.

7. Cách thức kiểm phiếu trong trường hợp tổ chức họp trực tuyến

Ban tổ chức sẽ áp dụng các công nghệ hiện đại để thực hiện việc kiểm phiếu của các cổ đông. Việc kiểm phiếu sẽ được tính dựa trên số lượng phiếu mà cổ đông và/hoặc người đại diện theo ủy quyền thực hiện biểu quyết trực tuyến (e-voting), bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức khác. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kiểm phiếu này và chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu, tùy trường hợp, sẽ được thông báo phù hợp theo quy định tại khoản 10 Điều 19, khoản 6 Điều 21 của Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến.

9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện như cách thức và bao gồm các nội dung như việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp được quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

10. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện như việc công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tiếp được quy định tại khoản 5 Điều 22 Điều lệ Công ty.

Điều 7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Bên cạnh việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp và/hoặc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo cách thức như nêu tại Điều 4 và Điều 6 Quy chế này, tùy theo tình hình thực tế mà Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến sẽ bao gồm các nội dung chính như dưới đây. Tuy nhiên, trong trường hợp xét thấy cần thiết, người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông có thể ban hành thêm Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến để hướng dẫn chi tiết các vấn đề liên quan đến việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

a. Cách thức gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty. Tuy nhiên, trong trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có nghĩa vụ chuẩn bị thêm tài liệu hướng dẫn cho các cổ đông đăng ký và tham dự họp trực tuyến.

b. Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến phải được nêu rõ trong Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

- a. Đối với các cổ đông tham dự họp trực tiếp: thực hiện đăng ký tại bàn kiểm tra tư cách cổ đông được bố trí tại địa điểm diễn ra đại hội như cách thức đăng ký họp trực tiếp được quy định tại khoản 7 Điều 4 Quy chế này.
- b. Đối với các cổ đông tham dự họp trực tuyến: thực hiện đăng ký như hướng dẫn tại khoản 2 Điều 6 Quy chế này.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

- a. Đối với các cổ đông tham dự họp trực tiếp: thực hiện ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty.
- b. Đối với các cổ đông tham dự họp trực tuyến: thực hiện ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Quy chế này.

4. Điều kiện tiến hành

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được tiến hành khi có tổng số cổ đông/người đại diện theo ủy quyền tham dự trực tiếp và trực tuyến đáp ứng tỷ lệ tối thiểu như được quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.

5. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty và khoản 5 Điều 6 Quy chế này.

6. Cách thức bỏ phiếu

- a. Đối với cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tiếp: thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Quy chế này.
- b. Đối với cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Quy chế này.

7. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu, tùy trường hợp, sẽ được thông báo phù hợp theo quy định tại khoản 10 Điều 19, khoản 6 Điều 21 của Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

8. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện như cách thức và bao gồm các nội dung như việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp được quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

9. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện như việc công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tiếp được quy định tại khoản 5 Điều 22 Điều lệ Công ty.

Điều 8. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn

1. Hội đồng quản trị, Tiểu ban Quan hệ Cổ đông, Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư (IR) có trách nhiệm duy trì liên lạc thường xuyên với các cổ đông lớn tại từng thời điểm căn cứ vào danh sách cổ đông cập nhật.
2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.
3. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền thay mặt Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty.
3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty và Điều 3 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 10. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

- a. Cơ cấu Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 3 Điều 25 Điều lệ Công ty.
- b. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 4, 5 và 6 Điều 24 Điều lệ Công ty.

3. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.

4. Cách thức giới thiệu ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị

Cách thức giới thiệu ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và khoản 1, 2 và 3 Điều 24 Điều lệ Công ty.

5. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 11 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

6. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 10 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

7. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 9 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 29 và khoản 1 Điều 30 Điều lệ Công ty.

9. Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị

Việc Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 11. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 21 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 12. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm

Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Điều lệ Công ty.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

Các trường hợp phải triệu tập Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Điều lệ Công ty.

3. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 6 Điều 30 Điều lệ Công ty.

4. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 7 Điều 30 Điều lệ Công ty.

5. Cách thức biểu quyết

Cách thức biểu quyết của Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 8 và 9 Điều 30 Điều lệ Công ty.

6. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị

a. Cách thức thông qua nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị tại cuộc họp được thực hiện theo khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty.

b. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua theo nguyên tắc đề cập tại điểm a trên đây. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản được quy định tại khoản 14 Điều 30 Điều lệ Công ty.

7. Việc ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị

Việc thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 30 Điều lệ Công ty.

8. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

Việc lập biên bản họp Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại khoản 17 Điều 30 Điều lệ Công ty.

9. Trường hợp Chủ tọa và/hoặc người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 17 Điều 30 Điều lệ Công ty.

10. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Việc thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 16 Điều 17 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 13. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 14. Tiểu ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị

1. Quyền và nghĩa vụ của Tiểu ban Kiểm toán

Quyền và nghĩa vụ của Tiểu ban Kiểm toán được quy định tại Điều 37 Điều lệ Công ty.

2. Ứng cử, đề cử thành viên Tiểu ban Kiểm toán

a. Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của Tiểu ban Kiểm toán:

(i). Nhiệm kỳ của Tiểu ban Kiểm toán tương ứng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Theo đó, nhiệm kỳ của thành viên Tiểu ban Kiểm toán là không quá năm (05) năm.

(ii). Số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của Tiểu ban Kiểm toán được quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty.

b. Ứng cử, đề cử thành viên Tiểu ban Kiểm toán:

Việc ứng cử, đề cử thành viên Tiểu ban Kiểm toán được quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty.

3. Hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán

Hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán được quy định tại Chương IX Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán.

Điều 15. Các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

1. Các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

Cơ cấu các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại điểm a khoản 6 Điều 29 Điều lệ Công ty.

2. Vai trò, trách nhiệm, nhiệm vụ và thẩm quyền của các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong Tiểu ban

Vai trò, trách nhiệm, nhiệm vụ và thẩm quyền của các Tiểu ban và từng thành viên trong Tiểu ban theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 29 Điều lệ Công ty.

Riêng vai trò, trách nhiệm, nhiệm vụ và thẩm quyền của Tiểu ban Kiểm toán được quy định tại Điều 14 Quy chế này, Chương IX Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán.

3. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

Các quy định về nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị và cách thức ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của từng Tiểu ban.

4. Hoạt động của các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

Hoạt động của các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của từng Tiểu ban.

Điều 16. Thường trực Hội đồng quản trị

Các vấn đề liên quan đến Thường trực Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại khoản 2, 3 và 4 Điều 15 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 17. Người phụ trách quản trị công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

Các tiêu chuẩn đối với Người phụ trách quản trị công ty:

- a. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về quản trị và pháp luật, nắm vững các quy định pháp luật liên quan đến Công ty và thị trường chứng khoán;
- b. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; và
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Điều lệ Công ty.

3. Việc miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Việc miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Điều lệ Công ty.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty.

Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty được quy định tại khoản 3 Điều 34 Điều lệ Công ty.

Điều 18. Văn phòng Hội đồng quản trị

Các vấn đề liên quan đến Văn phòng Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều 16 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương IV. TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN

Điều 19. Vai trò, trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc Tập đoàn

1. Vai trò của Tổng Giám đốc Tập đoàn được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 33 Điều lệ Công ty.
2. Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc Tập đoàn được quy định cụ thể tại điểm b khoản 4 Điều 33 Điều lệ Công ty, các quy định nội bộ khác của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, bảng mô tả công việc của Tổng Giám đốc Tập đoàn, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc Tập đoàn và trong các bảng phân cấp thẩm quyền giữa Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn do Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt tại từng thời điểm.
3. Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền ra quyết định bằng văn bản để đình chỉ, hủy bỏ các quyết định của Tổng Giám đốc Tập đoàn nếu có cơ sở cho rằng quyết định đó vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy định nội bộ khác của Công ty, bảng phân cấp thẩm quyền; vi phạm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của Công ty và của cổ đông.

Điều 20. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc Tập đoàn

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc Tập đoàn

Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc Tập đoàn được quy định tại khoản 2 và 3 Điều 33 Điều lệ Công ty.

2. Đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc Tập đoàn

a. Đề cử Tổng Giám đốc Tập đoàn

Đề cử, bổ nhiệm Tổng Giám đốc Tập đoàn được quy định tại khoản 1 Điều 33 Điều lệ Công ty.

b. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc Tập đoàn

Theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để biểu quyết thông qua việc bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc Tập đoàn.

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm sẽ được thể hiện bằng văn bản nghị quyết Hội đồng quản trị.

Tổng Giám đốc Tập đoàn có thể bị Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- (i). Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;

- (ii). Hết hợp đồng lao động;
- (iii). Nghỉ hưu và không có nhu cầu gia hạn/tái ký hợp đồng;
- (iv). Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác.

Tổng Giám đốc Tập đoàn có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- (i). Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
- (ii). Vi phạm pháp luật đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc Tập đoàn

Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc Tập đoàn theo đề cử của Chủ tịch Hội đồng quản trị và ý kiến thẩm định của Tiểu ban Nhân sự. Việc bổ nhiệm sẽ được thể hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thay mặt Hội đồng quản trị ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc Tập đoàn.

4. Chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc Tập đoàn

Công ty tiến hành chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc Tập đoàn sau khi Hội đồng quản trị ban hành nghị quyết miễn nhiệm Tổng Giám đốc Tập đoàn. Việc chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc Tập đoàn phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế này và các quy định khác của Công ty.

5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Tổng Giám đốc Tập đoàn

Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc Tập đoàn sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin.

6. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc Tập đoàn

Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc Tập đoàn do Hội đồng quản trị quyết định. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc Tập đoàn phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

Chương V. CÁC HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ QUAN TRỌNG KHÁC

Điều 21. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn/Ban Tổng Giám đốc

Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn/Ban Tổng Giám đốc được quy định cụ thể tại Điều 26 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 22. Quy định về đánh giá hàng năm, các hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và những Người điều hành khác

1. Đối với Hội đồng quản trị

Việc đánh giá hàng năm và các hoạt động khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Đối với Tổng Giám đốc Tập đoàn và những Người điều hành khác

a. Hội đồng quản trị giao Tiểu ban Nhân sự:

- (i). Thẩm định các mục tiêu, trọng tâm công việc hàng năm và thực hiện đánh giá kết quả công việc của Tổng Giám đốc Tập đoàn vào cuối mỗi năm trước khi trình Hội đồng quản trị phê duyệt chính thức;
- (ii). Cố vấn cho Tổng Giám đốc Tập đoàn thiết lập và giao mục tiêu công việc hàng năm cho Giám đốc Điều hành các Đơn vị Kinh doanh và các lãnh đạo chủ chốt của Tập đoàn dựa trên các kế hoạch kinh doanh hàng năm/03 (ba) năm đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
- (iii). Thẩm định và thông qua quy trình tổng thể về giao chỉ tiêu công việc và đánh giá kết quả công việc (PMS) hàng năm của Công ty bao gồm: quy trình giao việc và xây dựng khung năng lực chuẩn; xây dựng tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá chính xác, công bằng;
- (iv). Thẩm định và thông qua các chính sách lương thưởng áp dụng cho toàn Tập đoàn bao gồm Công ty, các Đơn vị Kinh doanh và công ty thành viên (bao gồm chính sách thưởng cổ phiếu khuyến khích dài hạn dành cho các lãnh đạo và quản lý cấp cao "ESG"; cùng với phân bổ chi tiết cổ phiếu thưởng hàng năm cho từng vị trí).

b. Tổng Giám đốc Tập đoàn, Giám đốc Nhân sự Tập đoàn và Hội đồng Nhân sự Công ty có trách nhiệm xây dựng tiêu chuẩn đánh giá, lập kế hoạch đánh giá chi tiết, triển khai việc đánh giá và thực thi hiệu quả các chính sách, quy trình nêu trên; cũng như xây dựng các chính sách kỷ luật phù hợp để đảm bảo việc thưởng phạt phân minh.

3. Xử lý vi phạm

a. Việc kỷ luật có hình thức cao nhất là miễn nhiệm, cách chức, sa thải.

b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và những Người điều hành khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của hệ thống kỷ luật của Công ty và quy định của pháp luật. Trường hợp vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

c. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm hàng năm cho các thành viên Hội đồng quản trị như quy định tại khoản 6 Điều 28 Điều lệ Công ty để bảo hiểm cho những tổn thất phát sinh từ khiếu kiện chống lại thành viên Hội đồng quản trị.

Chương VI. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 23. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và những Người điều hành khác

Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và những Người điều hành khác được quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty.

Điều 24. Giao dịch với Người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.
2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty.

Điều 25. Giao dịch với cổ đông, Người quản lý của Công ty và Người có liên quan của các đối tượng này

Giao dịch với cổ đông, Người quản lý và người có liên quan của các đối tượng này được thực hiện theo quy định tại khoản 6, 7 Điều 41 Điều lệ Công ty và quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và pháp luật liên quan khác.

Điều 26. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.
2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:
 - a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định;
 - b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.
3. Công ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.
4. Công ty phải tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

Chương VII. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 27. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin cho cổ đông và nhà đầu tư. Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.
2. Cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm đảm bảo cổ đông và nhà đầu tư được tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 28. Báo cáo và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Công ty

Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi.

Điều 29. Báo cáo và công bố thông tin về quản trị Công ty

1. Công ty phải báo cáo về tình hình quản trị Công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty định kỳ 06 (sáu) tháng theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 30. Công bố thông tin về thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng Giám đốc Tập đoàn và Người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 31. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Công ty với công ty mà các đối tượng trên là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
2. Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó Người có liên quan của các đối tượng trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) hoặc cổ đông lớn.

Điều 32. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.
2. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm sau:
 - a. Công bố các thông tin của Công ty với công chúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.

Chương VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị xem xét và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Các nội dung sửa đổi, bổ sung phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong những trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với

những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó của pháp luật đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh.

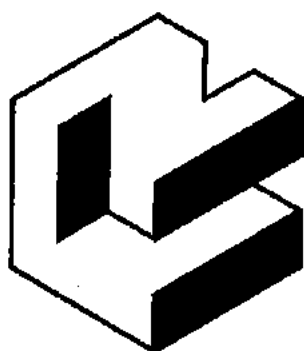
Điều 34. Hiệu lực của Quy chế

1. Quy chế này gồm 08 (tám) chương, 34 (ba mươi bốn) điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long nhất trí thông qua và có hiệu lực áp dụng từ ngày 23 tháng 04 năm 2022.
2. Quy chế này là Quy chế chính thức của Công ty và thay thế cho Quy chế đã được ban hành ngày 24 tháng 4 năm 2021.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền hoặc hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

a
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


NGUYỄN XUÂN QUANG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM LONG



NAM LONG

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2022

MỤC LỤC

Chương I.	QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và thuật ngữ	2
Điều 2.	Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	3
Chương II.	THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	3
Điều 3.	Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 4.	Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 5.	Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 6.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 7.	Chủ tịch, (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	5
Điều 8.	Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị	6
Điều 9.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	8
Điều 10.	Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	9
Điều 11.	Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	10
Chương III.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 12.	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	11
Điều 13.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch	13
Điều 14.	Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	14
Điều 15.	Các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị và Thường trực Hội đồng quản trị	15
Điều 16.	Văn phòng Hội đồng quản trị	17
Chương IV.	CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	18
Điều 17.	Cuộc họp Hội đồng quản trị	18
Điều 18.	Biên bản họp Hội đồng quản trị	21
Chương V.	BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	22
Điều 19.	Trình báo cáo hằng năm	22
Điều 20.	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	22
Điều 21.	Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 22.	Công khai các lợi ích liên quan	24
Chương VI.	MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	25
Điều 23.	Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 24.	Mối quan hệ với Tiểu ban Kiểm toán	25
Điều 25.	Mối quan hệ với Ban Tổng Giám đốc	25
Điều 26.	Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn/Ban Tổng Giám đốc	26
Chương VII.	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	29
Điều 27.	Sửa đổi, bổ sung Quy chế và hiệu lực thi hành	29

PHẦN MỞ ĐẦU

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ/ĐHĐCĐ/NLG ngày 23 tháng 4 năm 2022, có hiệu lực áp dụng từ ngày được thông qua. Quy chế này là Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị chính thức của Công ty và thay thế cho Quy chế đã được ban hành ngày 17 tháng 4 năm 2009.

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM LONG

Căn cứ Luật Chứng khoán Số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 ("**Luật Chứng khoán**");
Căn cứ Luật Doanh nghiệp Số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 ("**Luật Doanh nghiệp**");
Căn cứ Nghị định Số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("**Nghị định 155**");
Căn cứ Thông tư Số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ/ĐHĐCĐ/NLG ngày 23/04/2022 ("**Điều lệ Công ty**");
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ/ĐHĐCĐ/NLG ngày 23/04/2022;
Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long, bao gồm các nội dung sau:

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và thuật ngữ

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm đảm bảo hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty.
3. Trừ trường hợp có quy định khác trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị này, các thuật ngữ sử dụng trong Quy chế này có cùng nghĩa với các thuật ngữ sử dụng trong Điều lệ Công ty.
4. Trong Quy chế này, "Ban Tổng Giám đốc" bao gồm Người điều hành, Giám đốc điều hành Đơn vị Kinh doanh và Giám đốc các Khối chức năng.
5. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới 01 (một) hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc Tập đoàn tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế này, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Cung cấp kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các thông tin được yêu cầu theo quy định pháp luật;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những Người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc Tập đoàn và những Người điều hành khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty với điều kiện là việc cung cấp thông tin đó phải phục vụ cho mục đích thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc yêu cầu cung cấp thông tin phải được thông báo bằng văn bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị mà thành viên Hội đồng quản trị có yêu cầu cung cấp thông tin là thành viên. Yêu cầu phải được lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do yêu cầu, mục đích sử dụng thông tin, kèm theo cam kết sử dụng đúng mục đích và bảo mật các thông tin, tài liệu được cung cấp. Văn bản yêu cầu phải được gửi cho Tổng Giám đốc Tập đoàn trước ít nhất 24 (hai mươi tư) giờ.
3. Người điều hành được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 (năm) người và nhiều nhất là 09 (chín) người.
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Tổng số Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu Thành viên độc lập và Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành trong Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 (năm) công ty khác;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
2. Ngoài các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, thành viên Hội đồng quản trị còn phải thỏa mãn các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có tư chất lãnh đạo, liêm chính, có trách nhiệm, chín chắn, có đạo đức và nhận được sự tin tưởng của các cổ đông, các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, Người quản lý và nhân viên của Công ty;
 - b. Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý;

- c. Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để hoạt động một cách có hiệu quả;
 - d. Có kinh nghiệm kinh doanh quốc tế, am hiểu các vấn đề địa phương, hiểu biết về thị trường, sản phẩm và đối thủ cạnh tranh;
 - e. Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp thực tiễn;
 - f. Phán quyết chuẩn xác;
 - g. Khả năng và ý chí đương đầu với thách thức và tìm tòi cái mới.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp, thù lao, thưởng theo kết quả mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty, là Người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% (một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị của Công ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ.
4. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này và đương nhiên không còn là Thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp Thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch, (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra 01 (một) Chủ tịch, và có thể bầu ra 01 (một) hoặc nhiều Phó Chủ tịch. Hội đồng quản trị cũng có quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh này.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Tập đoàn.
- 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Các quyền theo ủy quyền của Hội đồng quản trị được quy định tại Quy chế này, các quy chế, quy định nội bộ khác của Công ty;
 - g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức và được chấp thuận, hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày đơn từ chức được chấp thuận hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc thuộc các trường hợp khác theo quy định tại khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp, thì các thành viên còn lại bầu 01 (một) người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
6. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và không vi phạm điều cấm của pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền theo vụ việc hoặc ủy quyền thường xuyên hoặc phân cấp cho (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị ký các văn bản, tài liệu thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị và thực hiện một số các quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. (Các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc thực hiện các công việc được ủy quyền.

Điều 8. Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị được phép quyết định các vấn đề sau (trong trường hợp các giao dịch có liên quan đến Chủ tịch thì Hội đồng quản trị quyết định):

1. Quyết định kế hoạch, ngân sách; hợp đồng đối với các giao dịch thông thường của Công ty hoặc các công ty thành viên trong Tập đoàn theo đề xuất của Tổng Giám đốc Tập đoàn (đã được Hội đồng Đầu tư hoặc Hội đồng khác có liên quan của Công ty thông qua) với giá trị cụ thể như sau:
 - a. Giá trị $\leq 2\%$ (nhỏ hơn hoặc bằng hai phần trăm) tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm liền kề;
 - b. Giá trị $> 2\%$ (lớn hơn hai phần trăm) và $\leq 4\%$ (nhỏ hơn hoặc bằng bốn phần trăm) tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm liền kề sau khi Tiểu ban liên quan thẩm định, hoặc Thường trực Hội đồng quản trị thẩm định theo bảng Phân công công việc giữa các thành viên Thường trực Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị ban hành theo từng thời điểm hoặc phân công cụ thể của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Sau khi có quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện vốn sẽ biểu quyết tại Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên của các công ty thành viên liên quan. Trường hợp là giao dịch vay của các công ty thành viên này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định trong phạm vi giá trị $\leq 2\%$ (nhỏ hơn hoặc bằng hai phần trăm) tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm liền kề.

2. Quyết định các giao dịch giữa Công ty hoặc công ty thành viên trong Tập đoàn với Người có liên quan; hoặc giao dịch giữa các công ty thành viên với nhau theo đề xuất của Tổng Giám đốc Tập đoàn (đã được Hội đồng Đầu tư hoặc Hội đồng khác có liên quan của Công ty thông qua) với giá trị cụ thể như sau:
 - a. Giá trị $\leq 2\%$ (nhỏ hơn hoặc bằng hai phần trăm) tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm liền kề;
 - b. Giá trị $> 2\%$ (lớn hơn hai phần trăm) và $\leq 4\%$ (nhỏ hơn hoặc bằng bốn phần trăm) tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm liền kề sau khi Tiểu ban liên quan thẩm định, hoặc Thường trực Hội đồng quản trị thẩm định theo bảng Phân công công việc giữa các thành viên Thường trực Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị ban hành theo từng thời điểm hoặc phân công cụ thể của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đối với các giao dịch liên quan này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, tùy theo quyết định của mình, có thể ủy quyền lại cho Tổng Giám đốc Tập đoàn hoặc một người khác (nếu phù hợp) phê duyệt với một giá trị giao dịch nhất định.

3. Quyết định việc đầu tư vào hoặc thoái vốn tại các doanh nghiệp/dự án/hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) có vốn đầu tư của Công ty hoặc của các công ty thành viên hoặc công ty mới thành lập với giá trị giao dịch, góp vốn, thoái vốn $\leq 2\%$ (nhỏ hơn hoặc bằng hai phần trăm) tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm liền kề theo đề xuất của Tổng Giám đốc Tập đoàn (đã được Hội đồng Đầu tư của Công ty thông qua) và quyết định các vấn đề pháp lý liên quan đến việc đầu tư hoặc thoái vốn này.
4. Quyết định và thực hiện việc ký kết Thư chào mua, Hợp đồng tài khoản phong tỏa và các văn bản khác có liên quan đến việc đầu tư, mua dự án, mua công ty tiềm năng theo đề xuất của Tổng Giám đốc Tập đoàn (đã được Hội đồng Đầu tư của Công ty thông qua); đồng thời quyết định chuyển tiền đặt cọc vào tài khoản phong tỏa theo quy định tại Thư chào mua và Hợp đồng tài khoản phong tỏa. Tiền đặt cọc có giá trị ≤ 200 tỷ đồng (nhỏ hơn hoặc bằng hai trăm tỷ đồng). Tiền đặt cọc trong tài khoản phong tỏa phải được tự động chuyển trả lại cho Công ty trong trường hợp Công ty không ký kết hợp đồng mua bán/hợp tác với bên bán.

Đối với việc quyết định tiền đặt cọc này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, tùy theo quyết định của mình, có thể ủy quyền lại cho Tổng Giám đốc Tập đoàn hoặc một người khác (nếu phù hợp) phê duyệt với một giá trị nhất định.



5. Phê duyệt việc điều chuyển vốn trong Tập đoàn (giữa Công ty và các công ty thành viên, hoặc giữa các công ty thành viên với nhau) bằng hình thức vay với giá trị giao dịch $\leq 2\%$ (nhỏ hơn hoặc bằng hai phần trăm) tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm liền kề dựa trên kế hoạch tài chính tổng thể hàng năm được Hội đồng Đầu tư Công ty thông qua và các thành viên Thường trực Hội đồng quản trị phê duyệt (theo phân công) hàng năm. Đối với các trường hợp đột xuất ngoài kế hoạch tài chính tổng thể đã nêu và trong phạm vi giá trị giao dịch $\leq 2\%$ (nhỏ hơn hoặc bằng hai phần trăm) như được đề cập trên đây thì Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét và phê duyệt theo đề xuất của Tổng Giám đốc Tập đoàn.
6. Chỉ định người đại diện vốn tại các doanh nghiệp/dự án hợp tác kinh doanh có vốn đầu tư của Công ty hoặc của các công ty thành viên trong Tập đoàn theo đề xuất của Tổng Giám đốc Tập đoàn.
7. Phê chuẩn việc tuyển dụng, bổ nhiệm và bãi nhiệm Giám đốc Nhân sự Tập đoàn sau khi Tiểu ban Nhân sự thẩm định (Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm trình Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt trước khi quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm và bãi nhiệm chức danh này).
8. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại (Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc chi nhánh), và Luật sư thuộc Văn phòng Hội đồng quản trị.
9. Phê chuẩn việc thành lập Văn phòng Hội đồng quản trị.
10. Bổ nhiệm và miễn nhiệm Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị.
11. Bổ nhiệm và miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.
12. Bổ nhiệm (01 (một) hoặc nhiều) Thư ký Hội đồng quản trị.
13. Ngoại trừ việc bổ nhiệm Luật sư thuộc Văn phòng Hội đồng quản trị, Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị, Người phụ trách quản trị công ty và Thư ký Hội đồng quản trị, các vấn đề được ủy quyền trên đây do Tổng Giám đốc Tập đoàn đề xuất, Chủ tịch sẽ quyết định các vấn đề được ủy quyền này tuân thủ Điều lệ Công ty, quy chế hoạt động của các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh hàng năm/03 (ba) năm và quy trình thẩm định tài liệu liên quan.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật; hoặc
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

3. Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty, Hội đồng quản trị có thể trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu mà luật pháp quy định hoặc ít hơn 1/2 (một nửa) số thành viên so với số lượng thành viên được Đại hội đồng cổ đông bầu vào đầu nhiệm kỳ Hội đồng quản trị đó;
 - b. Số lượng Thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 09% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền ứng cử hoặc đề cử 01 (một) hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm c khoản này. Toàn bộ hồ sơ, thông tin cần thiết được chuyển đến Công ty cho Tiểu ban Nhân sự của Hội đồng quản trị thẩm định.
 - b. Trường hợp số lượng ứng cử viên thông qua ứng cử và đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm sẽ đề cử hoặc tổ chức đề cử thêm ứng cử viên theo cơ chế như sau:
 - (i) Được Tiểu ban Nhân sự tìm kiếm lựa chọn theo quy trình; hoặc
 - (ii) Được các cổ đông giới thiệu và thông qua quy trình đánh giá của Tiểu ban Nhân sự.Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
 - c. Số lượng ứng cử viên tối đa mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này có quyền ứng cử, đề cử được xác định như sau:
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 09% (chín phần trăm) đến 12% (mười hai phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết được ứng cử, đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 12% (mười hai phần trăm) đến 18% (mười tám phần trăm) được ứng cử, đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 18% (mười tám phần trăm) đến 24% (hai mươi tư phần trăm) được ứng cử, đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 24% (hai mươi tư phần trăm) đến 30% (ba mươi phần trăm) được ứng cử, đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 30% (ba mươi phần trăm) đến 36% (ba mươi sáu phần trăm) được ứng cử, đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 36% (ba mươi sáu phần trăm) đến 42% (bốn mươi hai phần trăm) được ứng cử, đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 42% (bốn mươi hai phần trăm) đến 48% (bốn mươi tám phần trăm) được ứng cử, đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 48% (bốn mươi tám phần trăm) đến 54% (năm mươi tư phần trăm) được ứng cử, đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 54% (năm mươi tư phần trăm) được ứng cử, đề cử tối đa 09 (chín) ứng cử viên.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho 01 (một) hoặc một số ứng cử viên.
 3. Cổ đông phân phối số phiếu cho từng ứng cử viên theo từng số phiếu hoặc tỷ lệ cụ thể hoặc phân phối đều cho các ứng cử viên được chọn.
 4. Số lượng ứng cử viên được chọn không được vượt quá số lượng thành viên Hội đồng quản trị được phép bầu.
 5. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của Quy chế này và Quy chế bầu cử.
 6. Đối với các ứng cử viên Hội đồng quản trị không độc lập, trong trường hợp phải lựa chọn trong số các ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì:
 - a. Nếu các ứng cử viên là cổ đông thì ứng cử viên nào nắm giữ nhiều cổ phần hơn sẽ ưu tiên được chọn;
 - b. Nếu các ứng cử viên không phải là cổ đông thì ứng cử viên nào có số nhiệm kỳ làm thành viên Hội đồng quản trị lâu hơn sẽ ưu tiên được chọn. Trong trường hợp cùng nhiệm kỳ thì sẽ xét theo số năm đảm nhiệm.
 7. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung

thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty.

Công ty sẽ công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có)

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo các quy định về công bố thông tin.

Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn - trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty, giao dịch mua và các giao dịch khác (trừ hợp đồng, giao dịch vay, cho vay) có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất trừ các hợp đồng, giao

dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị (theo ủy quyền của Hội đồng quản trị) và các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo điểm m khoản 2 Điều 14 và khoản 6 Điều 41 Điều lệ Công ty;

- i. Thông qua hợp đồng vay, cho vay của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo điểm p khoản 2 Điều 14 và khoản 6 Điều 41 Điều lệ Công ty;
- j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc Tập đoàn và Người điều hành khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những Người điều hành đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc Tập đoàn và Người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- l. Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán, Quy chế công bố thông tin của Công ty;
- r. Quyết định cơ cấu tổ chức, các quy định nội bộ khác của Công ty ngoài các Quy chế được nêu tại điểm q trên đây;
- s. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị này và các quy định nội bộ khác của Công ty;
- t. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;
- u. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;

- v. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và Người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
 - w. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
 - x. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và Người điều hành khác của Công ty;
 - y. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155;
 - z. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có 01 (một) phiếu biểu quyết.
4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế này hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất giữa Công ty với 01 (một) trong các đối tượng sau:
- a. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn, Người điều hành khác và Người có liên quan của các đối tượng này, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo khoản 6 Điều 41 của Điều lệ Công ty;
 - b. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những Người có liên quan của họ, trừ các hợp đồng, giao dịch nêu tại điểm p khoản 2 Điều 14 của Điều lệ Công ty;
 - c. Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu mà luật pháp quy định hoặc ít hơn 1/2 (một nửa) số thành viên so với số lượng thành viên được Đại hội đồng cổ đông bầu vào đầu nhiệm kỳ Hội đồng quản trị đó;
 - c. Số lượng Thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan), và các nội dung khác theo quy định tại khoản 4 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;

- f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
4. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị và Thường trực Hội đồng quản trị

Để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị thành lập:

1. Các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị:

- a. Các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị bao gồm: Tiểu ban Đầu tư, Tiểu ban Kiểm toán, Tiểu ban Nhân sự và Tiểu ban Quan hệ Cổ đông. Hội đồng quản trị có thể thành lập các Tiểu ban đặc biệt khác sau khi có nghị quyết chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Tiểu ban có thể gồm 01 (một) hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và 01 (một) hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- b. Vai trò, trách nhiệm, nhiệm vụ và thẩm quyền của các Tiểu ban và thành viên Tiểu ban sẽ tuân thủ theo quy chế hoạt động của từng Tiểu ban được Hội đồng quản trị phê duyệt tại từng thời điểm hoặc theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị; đồng thời, các Tiểu ban có nhiệm vụ thẩm định các nội dung, đề xuất thuộc chức năng của mình hoặc theo phân công của Hội đồng quản trị, và báo cáo kết quả thẩm định cho Hội đồng quản trị bằng văn bản hoặc trong các cuộc họp Hội đồng quản trị.
- c. Trong quá trình thực hiện vai trò, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được Hội đồng quản trị phân công hoặc ủy quyền, các Tiểu ban phải tuân thủ theo các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra và theo quy chế của từng Tiểu ban. Các quy định và quy chế này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các Tiểu ban nêu trên (không bao gồm các Cố vấn mà không phải là thành viên Tiểu ban) và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của Tiểu ban nhưng:
 - (i) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn 1/2 (một nửa) tổng số thành viên của Tiểu ban; và
 - (ii) quyết định của các Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có hơn một nửa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại phiên họp của Tiểu ban. Trong trường hợp tỷ lệ biểu quyết tán thành và không tán thành ngang bằng nhau, thì sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

Riêng vai trò, trách nhiệm, nhiệm vụ và thẩm quyền của Tiểu ban Kiểm toán được quy định tại Điều 14 Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Chương IX Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán.

d. Các quy định về nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị và cách thức bầu cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của từng Tiểu ban.

2. Thường trực Hội đồng quản trị:

a. Thường trực Hội đồng quản trị bao gồm Chủ tịch, (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị khác được Hội đồng quản trị thông qua, hoặc theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b. Các thành viên Thường trực Hội đồng quản trị hoạt động và tuân thủ theo đúng quyền hạn, trách nhiệm, nguyên tắc làm việc và các quy định trong Quy chế này và theo bảng Phân công công việc giữa các thành viên Thường trực Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị ban hành theo từng thời điểm; hoặc theo yêu cầu, chỉ đạo cụ thể của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đối với các nội dung thuộc thẩm quyền thông qua của Thường trực Hội đồng quản trị theo Quy chế này hoặc theo ủy quyền của Hội đồng quản trị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ quyết định và phân công 01 (một) hoặc một số thành viên Thường trực Hội đồng quản trị thực hiện việc thẩm định và thông qua các nội dung này. Trong trường hợp có nhiều thành viên Thường trực Hội đồng quản trị phụ trách thẩm định các nội dung theo khoản này thì cách thức thông qua quyết định sẽ được áp dụng tương tự như quy định tại khoản 11 Điều 17 Quy chế này.

c. Phạm vi và nguyên tắc làm việc của Thường trực Hội đồng quản trị:

- Thường trực Hội đồng quản trị là những đại diện thực thi các quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị căn cứ theo Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế này và các quy định hiện hành của pháp luật;
- Dựa trên bảng Phân công công việc giữa các thành viên Thường trực Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị ban hành tại từng thời điểm, Thường trực Hội đồng quản trị là người chỉ đạo, định hướng cho Ban Tổng Giám đốc: (i) trong việc xây dựng & hiện thực hóa các chiến lược phát triển dài hạn (10 (mười) năm – 05 (năm) năm), các kế hoạch kinh doanh 03 (ba) năm – hàng năm của Công ty; và (ii) đối với những vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị;
- Hàng năm, nếu có các thay đổi, điều chỉnh cần thiết đối với các chiến lược và kế hoạch đã được duyệt (như nêu trên), Thường trực Hội đồng quản trị cũng sẽ là người chỉ đạo, định hướng cho Ban Tổng Giám đốc trước khi trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Thường trực Hội đồng quản trị sẽ họp định kỳ để trao đổi và thống nhất về các chủ trương, định hướng quan trọng. Mỗi thành viên Thường trực cũng sẽ làm việc định kỳ với các nhân sự đối ứng của Ban Tổng Giám đốc để chủ động chỉ đạo, định hướng trên mảng việc được phân công (dựa vào chiến lược phát triển/ kế hoạch 10 (mười) năm – 05 (năm) năm – 03 (ba) năm, các dự án chiến lược quan trọng... của Tập đoàn, Công ty và các Đơn vị Kinh doanh);

- Ban Tổng Giám đốc cần chủ động lên kế hoạch thực hiện cùng thời hạn hoàn tất đối với các mảng việc thuộc phạm vi quản lý và điều hành của mình sau khi nhận được chỉ đạo, định hướng của Thường trực Hội đồng quản trị. Thường trực Hội đồng quản trị sẽ không can thiệp vào công việc điều hành và không kiểm soát việc triển khai kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm không giới hạn cho phạm vi quản lý và điều hành của mình;
 - Nếu có những việc phát sinh khác biệt, phức tạp, quá rủi ro thì các thành viên Thường trực sẽ hội ý với Chủ tịch Hội đồng quản trị để có định hướng phù hợp. Người chịu trách nhiệm định hướng, chỉ đạo cao nhất trong trường hợp này là Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu vượt thẩm quyền sẽ xin ý kiến của Hội đồng quản trị). Sau đó các thành viên Thường trực sẽ tiếp tục chủ động chỉ đạo, định hướng cho Ban Tổng Giám đốc theo nội dung đã được Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định.
3. Việc đánh giá các thành viên Thường trực Hội đồng quản trị sẽ được thực hiện theo quy định như sau: Dựa trên kế hoạch kinh doanh, các vấn đề trọng yếu cần được ưu tiên của Công ty trong từng năm và phân công của từng thành viên Thường trực, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ xem xét giao và phê duyệt các trọng tâm công việc chính hàng năm cho các thành viên Thường trực Hội đồng quản trị, hoàn tất chậm nhất là vào tháng Tư hàng năm; cũng như thực hiện đánh giá kết quả công việc của các thành viên này cuối mỗi năm. Ngoài ra, thành viên Thường trực sẽ là người đánh giá được mời tham gia đánh giá kết quả công việc hàng năm của các lãnh đạo chủ chốt của Tập đoàn mà thành viên Thường trực đó tham gia chỉ đạo, định hướng trực tiếp.
 4. Tiểu ban Nhân sự có trách nhiệm xem xét và nêu ý kiến thẩm định độc lập đối với các trọng tâm công việc hàng năm và kết quả tự đánh giá cuối năm của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Văn phòng Hội đồng quản trị

1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thành lập Văn phòng Hội đồng quản trị.
2. Văn phòng Hội đồng quản trị có nhiệm vụ nhận và tổng hợp thông tin, đề xuất từ Tổng Giám đốc Tập đoàn; sau đó phân loại để gửi cho các Tiểu ban hoặc Thường trực Hội đồng quản trị thẩm định theo đúng chức năng của Tiểu ban trước khi trình đề Hội đồng quản trị cho ý kiến chính thức.
3. Văn phòng Hội đồng quản trị bao gồm Chủ tịch, (các) Phó Chủ tịch, Chánh Văn phòng, Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký Hội đồng quản trị và Luật sư thuộc Văn phòng Hội đồng quản trị.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể chỉ định ít nhất 01 (một) người làm Thư ký Hội đồng quản trị. Trong trường hợp có nhiều hơn 01 (một) người làm Thư ký Hội đồng quản trị thì thành lập Ban Thư ký Hội đồng quản trị.
5. Vai trò, nhiệm vụ, chức năng và thẩm quyền của Thư ký Hội đồng quản trị bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- a. Hỗ trợ Chánh Văn phòng, Người phụ trách quản trị công ty chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong việc áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - c. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị và lập biên bản họp;
 - d. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
 - e. Lưu trữ các biên bản họp, nghị quyết, quyết định và các tài liệu liên quan của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Tham gia bảo vệ quyền lợi của cổ đông;
 - g. Đảm bảo việc xây dựng, tuân thủ và định kỳ rà soát lại những chính sách và thông lệ quản trị của Công ty;
 - h. Đảm bảo rằng Công ty công bố những thông tin trọng yếu một cách kịp thời, chính xác và minh bạch;
 - i. Cung cấp thông tin cho những thành viên mới được bầu vào Hội đồng quản trị nhằm hỗ trợ các thành viên thực thi hiệu quả vai trò của mình.
6. Thư ký Hội đồng quản trị được bổ nhiệm làm cán bộ chuyên trách về công bố thông tin.
 7. Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường để thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc có thể thông qua quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Họp định kỳ hàng quý theo lịch họp/kế hoạch công việc hàng năm được Hội đồng quản trị phê duyệt;
 - b. Họp bất thường khi có đề nghị của:
 - (i) Tổng Giám đốc Tập đoàn hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác; hoặc
 - (ii) Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị; hoặc
 - (iii) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại điểm b khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm b khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Thông báo và chương trình họp: Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 05 (năm) ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị đã được đăng ký tại Công ty. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải có đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp.
7. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị tham dự. Trường hợp không đủ số thành viên tham dự theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một nửa) số thành viên Hội đồng quản trị tham dự.
8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến tham dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 10 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; hoặc
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người tham dự họp.
10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
11. Biểu quyết đa số: Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền (nếu có) tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có 01 (một) phiếu biểu quyết. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị tham dự (trên 50% (năm mươi phần trăm)). Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực như quyết định được thông qua tại cuộc họp trực tiếp.

13. Cổ vấn: Hội đồng quản trị có quyền mời một/một số cổ vấn ("Cổ vấn") trong cuộc họp Hội đồng quản trị. Cổ vấn có quyền phát biểu nhưng không có quyền biểu quyết trong cuộc họp. Việc vắng mặt của Cổ vấn (nếu được mời) không ảnh hưởng đến việc triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị. Cổ vấn có trách nhiệm bảo mật và không được sử dụng thông tin trong cuộc họp Hội đồng quản trị mà chưa được phép công bố để thực hiện các giao dịch có liên quan.

14. Thảm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.
- b. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu cần thiết có liên quan tới nội dung xin ý kiến phải được gửi bằng thư điện tử hoặc bằng phương thức đảm bảo đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị.
- c. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - (i) Tên, địa chỉ, trụ sở chính của Công ty;
 - (ii) Mục đích lấy ý kiến;
 - (iii) Họ, tên của thành viên Hội đồng quản trị;
 - (iv) Vấn đề cần lấy ý kiến;
 - (v) Phương án biểu quyết, bao gồm: duyệt, không duyệt và không có ý kiến;
 - (vi) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty;
 - (vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- d. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về Công ty theo quy định của Công ty.
- e. Thư ký Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính;

- (ii) Mục đích lấy ý kiến và các vấn đề cần lấy ý kiến;
 - (iii) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết;
 - (iv) Tổng số phiếu duyệt, không duyệt và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
 - (v) Những vấn đề đã được thông qua;
 - (vi) Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát;
- f. Thư ký Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu, liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác (nếu có).
 - g. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
 - h. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua theo nguyên tắc đề cập tại khoản 11 Điều này.
 - i. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 - j. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị được triệu tập và tổ chức hợp lệ.
15. Ngôn ngữ: Các thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể mang theo phiên dịch cho bản thân mình khi tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị.
16. Nghị quyết Hội đồng quản trị: được lập bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh (trong trường hợp có sự khác biệt giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản tiếng Việt sẽ là cơ sở tham chiếu), đồng thời phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Căn cứ vào các nội dung, quyết định được thông qua của cuộc họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành các văn bản nghị quyết của Hội đồng quản trị. Các nghị quyết này sẽ được thông tin đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị. Các nội dung nghị quyết thuộc phạm vi phải công bố thông tin sẽ được công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh (trong trường hợp có sự khác biệt giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản tiếng Việt sẽ là cơ sở tham chiếu). Biên bản họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;

- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.
2. Người phụ trách quản trị công ty hoặc Thư ký Hội đồng quản trị sẽ thực hiện ghi biên bản diễn tiến cuộc họp Hội đồng quản trị một cách đầy đủ, chi tiết, rõ ràng; và có thể ghi âm cuộc họp để đảm bảo tính chính xác của các nội dung, diễn tiến, kết quả cuộc họp.
 3. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
 4. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 5. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Chương V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 19. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty, theo quy định tại Điều 20 của Quy chế này.
2. Báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 20. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên được thực hiện theo quy định tại Điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những Người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
4. Hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị và kết quả đánh giá của Thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.
5. Hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.
6. Hoạt động của các Tiểu ban khác trực thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).
7. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc Tập đoàn.
8. Kết quả giám sát đối với Người điều hành khác.
9. Các kế hoạch/định hướng phát triển trong tương lai.

Điều 21. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao công việc và thưởng. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Khoản thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị sẽ do Tiểu ban Nhân sự phân bổ và được Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông. Tiểu ban Nhân sự thực hiện đánh giá định kỳ hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị dựa trên các tiêu chuẩn, quy trình và thông lệ tốt của quốc tế, cụ thể thông qua các tiêu chí chính sau đây:
 - a. Cơ cấu và thành phần Hội đồng quản trị: liên quan đến tỷ lệ giữa thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành và điều hành trong cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm các kỹ năng chuyên môn cần có);
 - b. Hoạt động của Hội đồng quản trị: liên quan đến các hoạt động trong phòng họp, công tác chuẩn bị cho các kỳ họp Hội đồng quản trị và sự tương tác giữa các thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Vai trò và trách nhiệm của Hội đồng quản trị: vai trò và trách nhiệm chính của Hội đồng quản trị như quy định trong Điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty, các quy định pháp luật và hướng đến các thông lệ tốt của quốc tế;

- d. Sự tham gia của Hội đồng quản trị vào việc hoạch định chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Công ty: liên quan đến sự tham gia của Hội đồng quản trị đối với các vấn đề quan trọng của Công ty như chiến lược, các rủi ro chính, kế hoạch và kết quả kinh doanh.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị, với sự hỗ trợ của (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, sẽ xem xét và phê duyệt kế hoạch công việc cũng như đánh giá kết quả thực hiện công việc hàng năm của các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị (do Trưởng Tiểu ban đề xuất/báo cáo). Các kế hoạch và kết quả đánh giá này sẽ được báo cáo cho Hội đồng quản trị.
 4. Việc khen thưởng hàng năm cho các thành viên Hội đồng quản trị sẽ được Tiểu ban Nhân sự xem xét, quyết định trong phạm vi khoản thưởng không cố định được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
 5. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
 6. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành, Chủ tịch và (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
 7. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các Tiểu ban của Hội đồng quản trị.
 8. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và Người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ.

- Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

- Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
- Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 24. Mối quan hệ với Tiểu ban Kiểm toán

- Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tiểu ban Kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Tiểu ban Kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
- Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Tiểu ban Kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Điều 25. Mối quan hệ với Ban Tổng Giám đốc

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc Tập đoàn và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết đó.

Điều 26. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn/Ban Tổng Giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn/Ban Tổng Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn/Ban Tổng Giám đốc được thực hiện như triệu tập họp Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 17 Quy chế này.

Trong trường hợp Tổng Giám đốc Tập đoàn là thành viên Hội đồng quản trị thì nội dung họp giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn được tích hợp trong chương trình họp Hội đồng quản trị. Nếu Tổng Giám đốc Tập đoàn không phải là thành viên Hội đồng quản trị, các cuộc họp sẽ được tổ chức riêng, biên bản các cuộc họp sẽ được lập riêng.

2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc Tập đoàn/Ban Tổng Giám đốc

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người phụ trách quản trị công ty thông báo cho Tổng Giám đốc Tập đoàn/Ban Tổng Giám đốc để Tổng Giám đốc Tập đoàn/Ban Tổng Giám đốc theo dõi và tổ chức thực hiện.

3. Các trường hợp Tổng Giám đốc Tập đoàn đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị

- a. Xung đột quyền, nghĩa vụ giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn;
- b. Khủng hoảng mà việc xử lý vượt quá thẩm quyền của Tổng Giám đốc Tập đoàn;
- c. Các giao dịch mà Tổng Giám đốc Tập đoàn là một bên liên quan;
- d. Các phát sinh trọng yếu trong quá trình thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- e. Các nội dung vượt thẩm quyền theo ủy quyền của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc Tập đoàn.

4. Những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị và Thường trực Hội đồng quản trị

a. Những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị, bao gồm các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty, cụ thể:

- (i) Định kỳ mỗi 10 (mười) năm, đề xuất về tầm nhìn và chiến lược phát triển dài hạn phù hợp cho Công ty;
- (ii) Kế hoạch kinh doanh mỗi 03 (ba) năm của Công ty dựa trên tầm nhìn và chiến lược phát triển đã được Hội đồng quản trị phê duyệt. Đối với các kế hoạch kinh doanh 03 (ba) năm đã được phê duyệt, Tổng Giám đốc Tập đoàn và Ban Tổng Giám đốc phải có báo cáo cập nhật tổng thể cho Hội đồng quản trị cũng như trình bày các kết quả dự báo và đề xuất điều chỉnh (nếu có) tại cuộc họp Hội đồng quản trị quý I hàng năm;
- (iii) Chậm nhất là vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị dự thảo kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo. Sau đó, các kế hoạch kinh doanh hàng

năm này sẽ được điều chỉnh, bổ sung (nếu cần) và được trình để Hội đồng quản trị chính thức thông qua trong kỳ họp quý I hàng năm;

- (iv) Trong kỳ họp Hội đồng quản trị quý IV hàng năm, đề xuất chiến lược nhân sự, số lượng người lao động và ngân sách hoạt động nhân sự của Công ty và Tập đoàn trong năm tiếp theo; và vào quý I hàng năm phải báo cáo quyết toán chi phí hoạt động nhân sự của năm trước đó cho Hội đồng quản trị;
- (v) Đối với các khoản phát sinh (tích lũy cộng dồn) vượt quá 10% (mười phần trăm) ngân sách hoạt động (OB) hàng năm/ngân sách đầu tư đã được phê duyệt, Ban Tổng Giám đốc phải đệ trình để Tiểu ban Đầu tư (được Hội đồng quản trị ủy quyền) phê duyệt.
- (vi) Điều khoản giao dịch (term-sheet) đối với các giao dịch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị;
- (vii) Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tiểu ban Đầu tư:
 - Thẩm định và phê duyệt kế hoạch kinh doanh 03 (ba) năm của các Đơn vị kinh doanh thuộc Tập đoàn bao gồm Trung tâm Dịch vụ;
 - Thẩm định và phê duyệt kế hoạch tài chính tổng thể hàng năm của Tập đoàn; và báo cáo cập nhật theo định kỳ mỗi quý do Ban Tổng Giám đốc đệ trình.
- (viii) Các vấn đề khác theo yêu cầu cụ thể của Hội đồng quản trị.

b. Các kế hoạch, vấn đề quan trọng của Công ty phải trình Thường trực Hội đồng quản trị phê duyệt bao gồm:

- (i) Nghiên cứu khả thi (FS); và báo cáo cập nhật FS của các dự án theo định kỳ mỗi 06 (sáu) tháng;
- (ii) Kế hoạch kinh doanh (BP) dự án bao gồm kế hoạch phát triển, kế hoạch ngân sách dự án, kế hoạch doanh thu; và báo cáo cập nhật theo định kỳ mỗi 06 (sáu) tháng;
- (iii) Chiến lược và kế hoạch tổng thể đấu thầu/chọn thầu (nhà tư vấn, nhà thầu) cho dự án (Master Procurement Plan). Các bước thực hiện chọn thầu phải tuân thủ theo chính sách, quy trình nội bộ về mua hàng và đấu thầu/chọn thầu;
- (iv) Kế hoạch kinh doanh hàng năm chi tiết của các Đơn vị kinh doanh thuộc Tập đoàn bao gồm Trung tâm Dịch vụ (dựa trên kế hoạch kinh doanh 03 (ba) năm đã được Tiểu ban Đầu tư phê duyệt).

5. Báo cáo của Tổng Giám đốc Tập đoàn/Ban Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

Hàng tháng, quý, năm, Tổng Giám đốc Tập đoàn và Ban Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo tình hình hoạt động của Công ty cho Hội đồng quản trị và đề xuất phương hướng nhiệm vụ trong thời gian tới. Các loại báo cáo và lịch báo cáo được quy định như sau:

a. Báo cáo tháng (gửi chậm nhất vào ngày 15 của tháng tiếp theo) bao gồm:

- (i) Báo cáo Doanh số;

- (ii) Báo cáo Tài chính Kế toán (bao gồm báo cáo doanh thu, báo cáo lãi lỗ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ).
- b. Báo cáo quý (gửi chậm nhất vào ngày 15 của tháng sau mỗi quý) bao gồm:
 - (i) Báo cáo hoạt động các Đơn vị Kinh doanh (Business Unit) thuộc Tập đoàn theo kế hoạch năm đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;
 - (ii) Báo cáo Đầu tư, Quan hệ nhà đầu tư và Huy động vốn của Tập đoàn;
 - (iii) Báo cáo Hành chính Nhân sự Tập đoàn;
 - (iv) Báo cáo Tài chính Kế toán Tập đoàn (bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo doanh thu, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ);
 - (v) Các báo cáo khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Thường trực Hội đồng quản trị.
- c. Báo cáo tài chính để công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định:
 - (i) Bao gồm: báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính soát xét bán niên, báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, hoặc báo cáo khác theo yêu cầu;
 - (ii) Thời hạn công bố thông tin: theo quy định của pháp luật tại từng thời điểm;
 - (iii) Báo cáo phải được gửi trước cho Hội đồng quản trị để có ý kiến trước khi Công ty thực hiện công bố thông tin.

Thời hạn gửi báo cáo cho Hội đồng quản trị: ít nhất 03 (ba) ngày trước ngày công bố thông tin hoặc theo yêu cầu của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm.

6. Các vấn đề Tổng Giám đốc Tập đoàn phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị không can thiệp vào công việc điều hành hàng ngày của Tổng Giám đốc Tập đoàn. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị có quyền giám sát và quyền yêu cầu cung cấp thông tin và Tổng Giám đốc Tập đoàn có nghĩa vụ phải tuân thủ đáp ứng yêu cầu của Hội đồng quản trị đúng thời hạn được yêu cầu.

Tổng Giám đốc Tập đoàn sẽ cung cấp thông tin bằng cách thức phù hợp khi:

- a. Thành viên Hội đồng quản trị yêu cầu cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng quy định của pháp luật;
- b. Trưởng Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị yêu cầu bằng văn bản, thư điện tử đối với các nội dung mà Tiểu ban đã thông qua rằng Tổng Giám đốc Tập đoàn phải cung cấp. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc Tập đoàn sẽ phải báo cáo bằng văn bản.

7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn/Ban Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

- a. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị thiết lập hành lang pháp lý nội bộ thông qua các bằng phân cấp thẩm quyền nội bộ của Công ty để tạo điều kiện và hỗ trợ cho Tổng Giám đốc Tập đoàn và Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên:

- (i) Người được ủy quyền khi quyết định, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty phải thực hiện nghiêm chỉnh mọi chế độ chính sách của Nhà nước, quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các bảng phân cấp thẩm quyền hiện hành; đồng thời chịu trách nhiệm đối với các hành vi sai phạm gây ra tổn thất cho Công ty. Theo đó, người được ủy quyền khi điều hành trái với các quy định nêu trên thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty;
 - (ii) Các giao dịch do người được ủy quyền đại diện xác lập, thực hiện vượt quá phạm vi được ủy quyền không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với phần giao dịch được thực hiện vượt quá phạm vi đại diện, trừ các trường hợp sau đây: người có thẩm quyền của Công ty đồng ý, người có thẩm quyền của Công ty biết mà không phản đối trong một thời hạn hợp lý, người có thẩm quyền của Công ty có lỗi dẫn đến việc người đã giao dịch không biết hoặc không thể biết về việc người đã xác lập, thực hiện giao dịch dân sự với mình – tức là người được ủy quyền đại diện – vượt quá phạm vi đại diện;
 - (iii) Trường hợp giao dịch dân sự do người được ủy quyền đại diện xác lập, thực hiện vượt quá phạm vi đại diện không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của người có thẩm quyền của Công ty đối với phần giao dịch được xác lập, thực hiện vượt quá phạm vi đại diện thì người được ủy quyền đại diện phải thực hiện nghĩa vụ đối với người đã giao dịch với mình về phần giao dịch vượt quá phạm vi đại diện, trừ trường hợp người đã giao dịch biết hoặc phải biết về việc vượt quá phạm vi đại diện mà vẫn giao dịch.
- b. Những thành viên tham gia vào việc kiểm tra/xác nhận theo như phân công trong các bảng phân cấp thẩm quyền của Công ty cũng sẽ chịu trách nhiệm liên đới khi không thực hiện đúng chức năng như đã được phân công hoặc để xảy ra lỗi, sơ sót trong quá trình kiểm tra/xác nhận;
 - c. Trong phạm vi thẩm quyền của mình, Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền giao việc cho Tổng Giám đốc Tập đoàn. Tổng Giám đốc Tập đoàn có thể ủy quyền/phân công cho một thành viên Ban Tổng Giám đốc thay mình làm việc trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng quản trị khi được Chủ tịch Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - d. Theo phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Thường trực Hội đồng quản trị có thể tham gia vào các cuộc họp định kỳ hàng tháng của Ban Tổng Giám đốc hoặc các cuộc họp khác theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc.

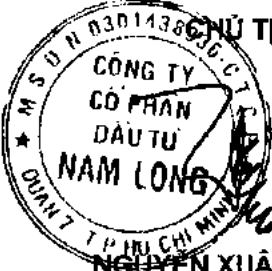
Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Quy chế và hiệu lực thi hành

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị xem xét và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Các nội dung sửa đổi, bổ sung phải phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó của pháp luật đương nhiên được ưu tiên áp dụng.
3. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long bao gồm 7 chương, 27 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua như nêu tại phần đầu Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN XUÂN QUANG